



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CP SẢN XUẤT & CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Mục lục

PHẦN I TỔNG QUAN	2
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	4
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN	6
NGÀNH NGHỀ LĨNH VỰC KINH DOANH	7
TỔNG QUAN VỀ CÁC SẢN PHẨM CÔNG TY	8
SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC	9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN TGD	10
ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.....	13
PHẦN II MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	14
TỔNG QUAN NGÀNH NHỰA THẾ GIỚI	15
NGÀNH NHỰA VIỆT NAM.....	20
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG FILLER MASTERBATCH	23
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG PHÀO NỆP SPC	27
PHẦN III KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2021.....	34
ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	35
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2022.....	38
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	39
PHẦN IV QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	42
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	43
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT	50
THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS	52
HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO	54
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ ĐẦU TƯ	57
PHẦN V BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	58
TỔNG QUAN BÁO CÁO	59
PHẠM VI BÁO CÁO	59
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	59
HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	65

PHẦN I
TỔNG QUAN

❖ Tầm nhìn:

Trở thành doanh nghiệp tiên phong, dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm tinh chế từ đá CaCO₃, tạo dựng vị thế vững chắc trong chuỗi giá trị toàn cầu.

❖ Sứ mệnh:

Mang lại những sản phẩm chất lượng cao bằng việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến.

Đảm bảo hài hòa các lợi ích của khách hàng, cổ đông.

Tạo môi trường làm việc nâng cao sự sáng tạo, trách nhiệm, chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên Công ty.

❖ Giá trị cốt lõi:

Chất lượng trên từng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm là yếu tố sống còn đối với một doanh nghiệp khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Chủ động hoàn thiện năng lực sản xuất, luôn đảm bảo sản phẩm đầu ra theo đúng các thông số kỹ thuật đạt chuẩn, từng thành viên của Nhựa Pha Lê đều nỗ lực hoàn thành công việc được giao với chất lượng cao nhất.

Liên tục ứng dụng công nghệ vào sản xuất: Không chỉ đảm bảo ổn định chất lượng, việc đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến giúp phát minh ra các phương thức sản xuất mới, từ đó cải thiện chất lượng đồng thời tiết kiệm chi phí.

Chia sẻ và đồng hành cùng đối tác: Tâm niệm đối tác là bạn đồng hành cùng chia sẻ trên con đường hoạt động kinh doanh, Nhựa Pha Lê luôn hỗ trợ các đối tác trên tinh thần hợp tác thành công, đôi bên đồng hưởng lợi.

Trách nhiệm với cộng đồng: Không chỉ vì mục tiêu phát triển kinh tế mà còn tồn tại để phục vụ người tiêu dùng, cải thiện và nâng cao đời sống đội ngũ cán bộ công nhân, đem lại lợi ích dài lâu cho đối tác và cổ đông, góp vào lợi ích chung của toàn xã hội.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- ✓ Tên công ty : Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
- ✓ Tên tiếng Anh : Pha Le Plastics Manufacturing and Technology Joint Stock Company
- ✓ Tên viết tắt : PHA LE PLASTICS MANUFACTURING AND TECHNOLOGY., JSC
- ✓ Mã chứng khoán : PLP
- ✓ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 21/09/2022
- ✓ Trụ sở chính : Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
- ✓ Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Hà Nội - Tầng 2, Tháp A, Tòa nhà Rivera Park Hà Nội, 69 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- ✓ CN Nghệ An: Mỏ đá Thung Hung, Xóm Bản Hạt, Xã Châu Tiến, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An
- ✓ Vốn điều lệ : 700.000.000.000 đồng
- ✓ Điện thoại : (+84-24) 3555 1669
- ✓ Website : <https://phaleplastics.com.vn/>
- ✓ Đại diện pháp luật : **Ông Mai Thanh Phương**
- ✓ Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

✓ Công ty con, công ty liên kết:

Hiện công ty có 02 công ty con và 01 công ty liên kết:

Thông tin	Công ty cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Công ty cổ phần khoáng sản Minh Cầm	Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An
Mối quan hệ	Công ty con	Công ty con	Công ty liên kết
Địa chỉ	Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	Mỏ đá Lèn Minh Cầm, Xã Phong Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình.	Số 84, đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất sản phẩm sàn đá công nghệ SPC	Khai thác khoáng sản	Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ sở hữu	51%	75%	49,5%

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



THÀNH LẬP

Vốn điều lệ 100 tỷ, hoạt động khai thác và sản xuất khoáng sản



ĐẦU TƯ

Nhà máy sản xuất đá CaCO₃ sản lượng 199.680 tấn/năm; được cấp Giấy chứng nhận đầu tư NM Bột đá siêu mịn 108.000 tấn/năm và Phụ gia ngành nhựa (96.000 tấn/năm) tại Hải Phòng



NIÊM YẾT

Mã PLP, sàn HOSE, vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Đầu tư khai thác thêm 2 dây chuyền sản xuất Filler masterbatch nâng công suất 52.800 tấn/năm



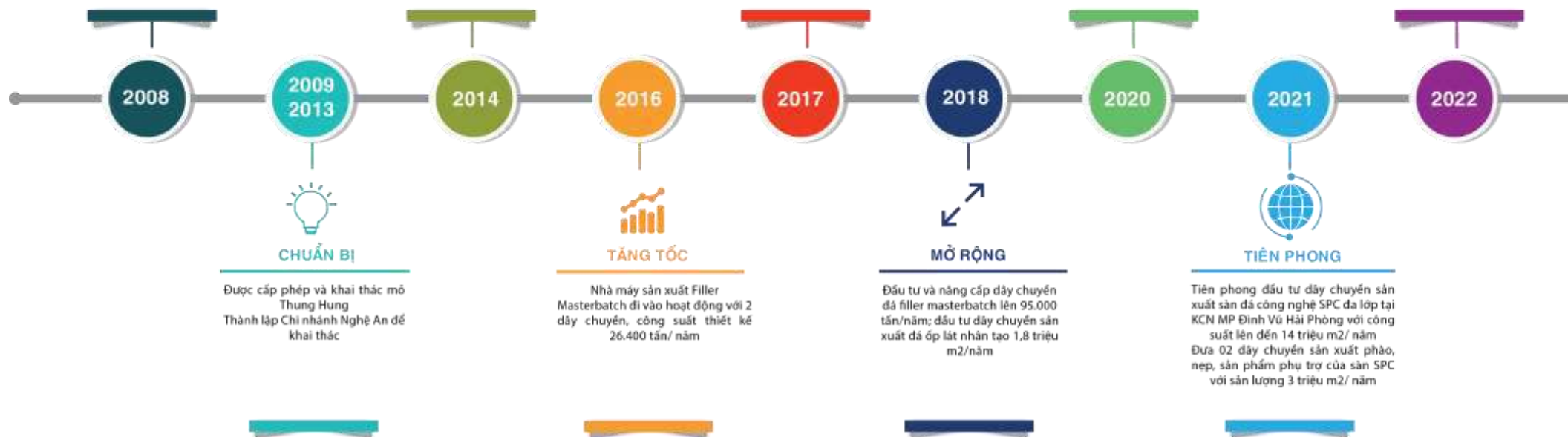
CHUYỂN MÌNH

Đầu tư mua mô Minh Cẩm - Quảng Bình, Đầu tư liên doanh 02 dự án bất động sản Hạ Long Quảng Ninh và đầu tư liên quan mở Nhà máy sản xuất SPC số 1 - Nhon Trạch, Đồng Nai



VƯƠN XA

Tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng. Sản phẩm công nghệ SPC đạt cú đúp giải thưởng về thương hiệu và chất lượng, sản phẩm được mở rộng trên thị trường nội địa và quốc tế



NGÀNH NGHỀ LĨNH VỰC VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

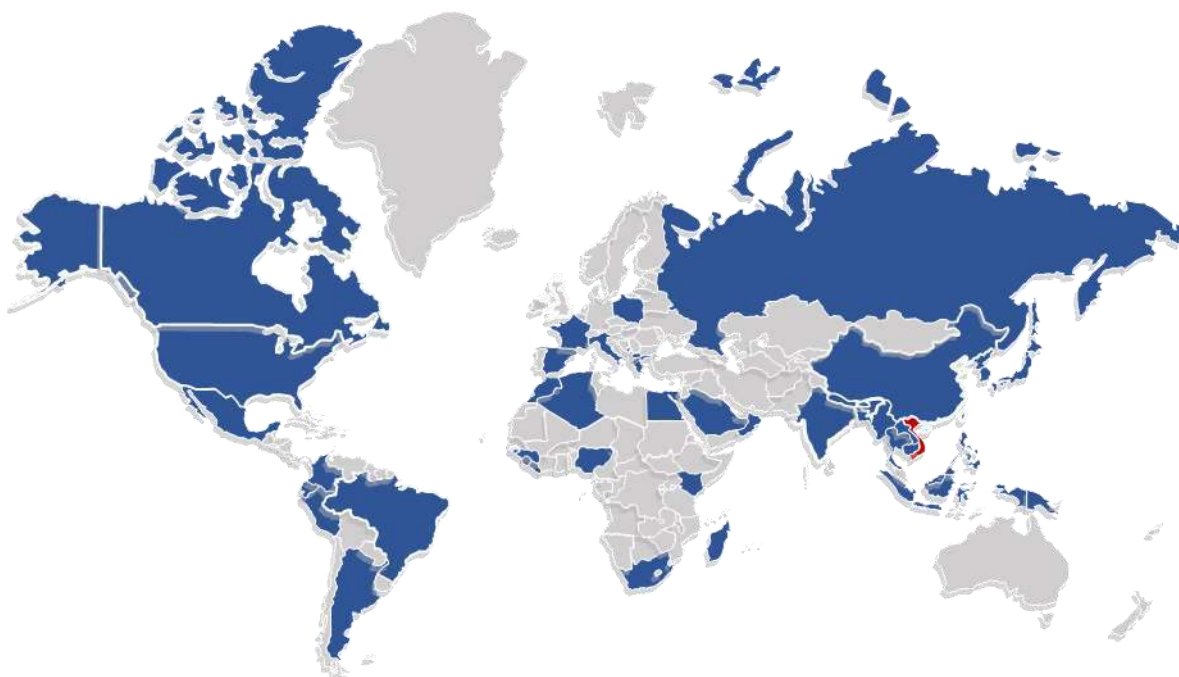
❖ Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chính

- Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sợi nhân tạo;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Casting và hoàn thiện đá;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

❖ Địa bàn kinh doanh

Với chuỗi quy trình sản xuất khép kín, chế biến sâu tài nguyên không tái tại từ đá vôi, vôi bột, đến sản phẩm Filler chất phụ gia ngành nhựa và đặc biệt là sản phẩm ván sàn công nghệ SPC, phào nẹp... với quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, Pha Lê đã đem đến sự uy tín cho các khách hàng trong và ngoài nước.

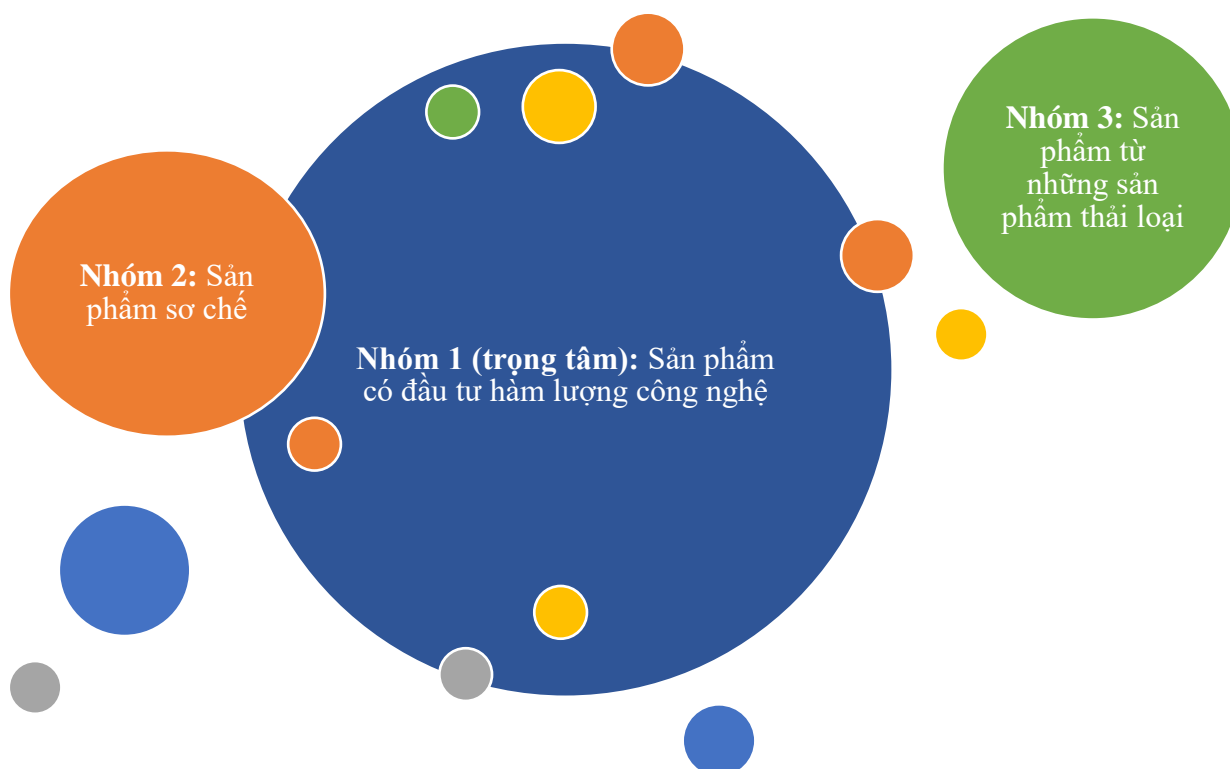
Địa bàn kinh doanh phát triển với hơn 70 nước, trải dài khắp các châu lục và nội địa Việt Nam: Nội địa, Trung Quốc, Châu Á, Nam Phi. Các thị trường Pha Lê tập trung phát triển: Châu Á, Trung Đông, Bắc Mỹ, Châu Âu... dần chiếm lĩnh thị trường tại mỗi sản phẩm mang thương hiệu Pha Lê.



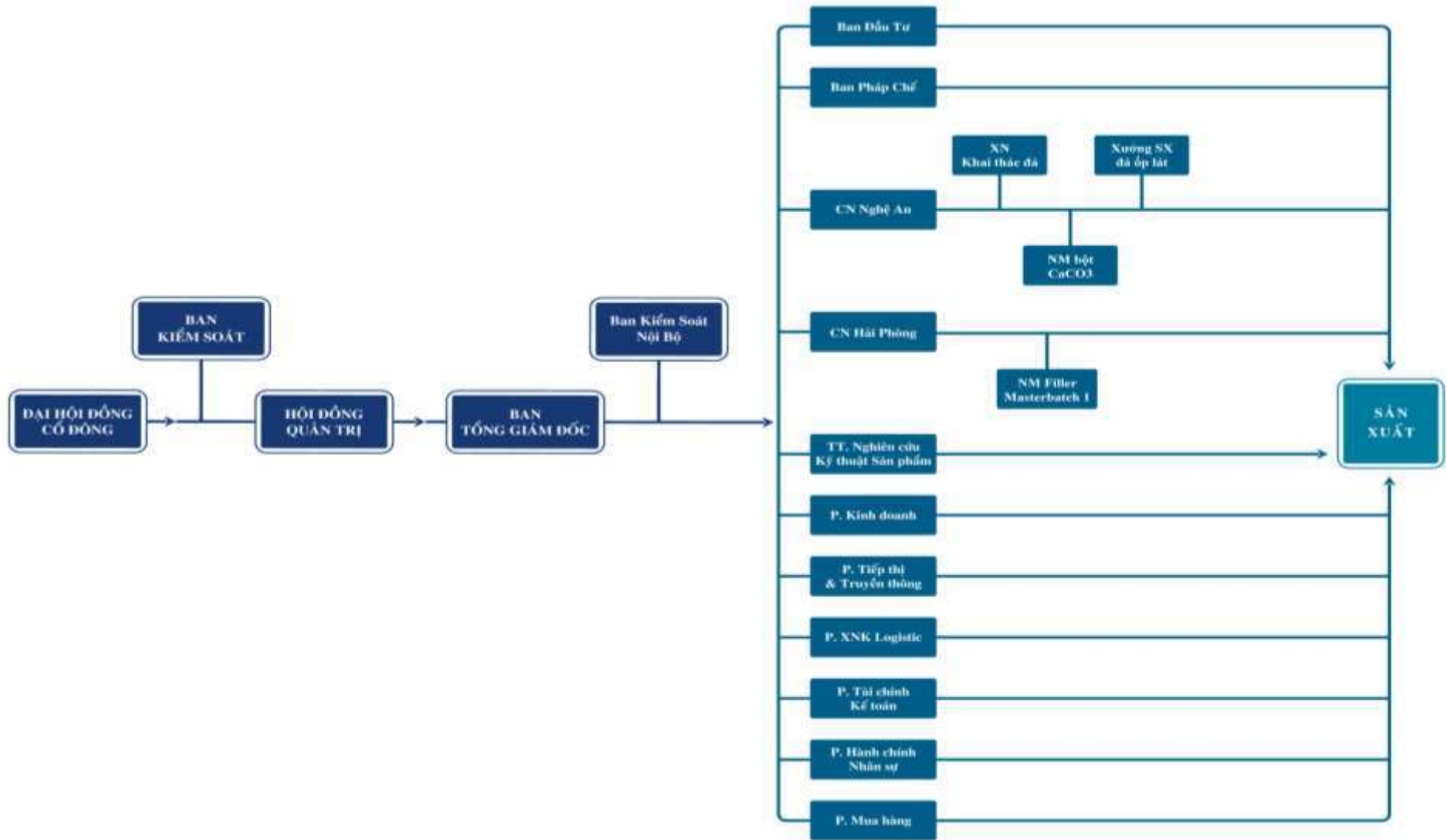
TỔNG QUAN VỀ CÁC SẢN PHẨM CÔNG TY

Sản phẩm của Nhựa Pha Lê được phân thành 3 nhóm chính:

- **Nhóm 1 (trọng tâm):** Bao gồm các sản phẩm có đầu tư hàm lượng công nghệ trong quá trình sản xuất, bao gồm các sản phẩm là nguyên vật liệu trung gian được chế biến sâu hoặc các thành phẩm sử dụng cho người tiêu dùng. Nhóm 1 bao gồm:
 - Filler Masterbatch (đang sản xuất)
 - Nhựa thành phẩm (đang nghiên cứu)
 - Vật liệu xây dựng gốc nhựa đá: đá Marble, ván sàn đá công nghệ SPC, nhựa gỗ, giấy đá, ... (đã triển khai một số hạng mục)
- **Nhóm 2:** Sản phẩm sơ chế từ nguồn nguyên liệu khai thác tại mỏ đá CaCO₃: Đá CaCO₃, Bột đá mịn.
- **Nhóm 3:** Sản phẩm từ những sản phẩm thải loại từ các thành phẩm nhóm 1 và 2



SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BAN TGD

❖ **Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT

+ **Ngày bổ nhiệm:** 02/2014

+ **Học vấn :** Kỹ sư ngành Địa chất; Cử nhân Kinh tế

+ **Kinh nghiệm:** 29 năm kinh nghiệm quản trị sản xuất, khai thác khoáng sản và đầu tư

+ **Sở hữu :** 14.760.000 cổ phiếu PLP (21,09 %)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Phó chủ tịch HĐQT– Công ty Cổ phần Tổng công ty công trình đường sắt (RCC)
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long
- Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cầm
- Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê

2. Ông Lê Thạc Tuấn - Thành viên HĐQT độc lập

+ **Ngày bổ nhiệm:** 04/ 2017

+ **Học vấn:** Kỹ sư xây dựng mỏ; Cử nhân kinh tế

+ **Kinh nghiệm :** 29 năm kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp sản xuất, khai thác khoáng sản

+ **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0%)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Chủ tịch HĐQT - CTCP Cơ điện lạnh Hoàn Kiếm

3. Bà Trần Hải Yến - Thành viên HĐQT

+ **Ngày bổ nhiệm:** 11/2021

+ **Học vấn:** Cử nhân quản trị kinh doanh

+ **Kinh nghiệm :** 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

+ **Sở hữu:** 266.640 cổ phiếu PLP (0,38%)

+ **Kiểm nhiệm:**

- Tổng giám đốc - Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An

❖ **Danh sách Thành viên Ban Kiểm Soát**

1. Ông Đinh Đức Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát

- + Ngày bổ nhiệm: 04/2018
- + Học vấn: Kỹ sư Xây dựng mỏ; Cử nhân tài chính – ngân hàng; Cử nhân kinh tế đối ngoại
- + Kinh nghiệm: 29 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản trị và đầu tư
- + Sở hữu: 0 cổ phiếu PLP (0%)
- + Kiêm nhiệm : Không

2. Bà Vũ Ngọc Thúy - Thành viên Ban kiểm soát

- + Ngày bổ nhiệm: 04/2017
- + Học vấn: Cử nhân kế toán
- + Kinh nghiệm: 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kiểm toán
- + Sở hữu: 0 cổ phiếu PLP (0%)
- + Kiêm nhiệm:
 - Kiểm toán viên - Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội

3. Bà Mai Thị Thanh Hoa - Thành viên Ban kiểm soát

- + Ngày bổ nhiệm: 04/ 2018
- + Học vấn: Cử nhân ngành Thương mại- Ngoại thương
- + Kinh nghiệm: 18 năm kinh nghiệm quản trị kinh doanh
- + Sở hữu: 0 cổ phiếu PLP (0%)
- + Kiêm nhiệm: Không

❖ **Danh sách Thành viên Ban Tổng Giám Đốc**

1. Bà Trần Hải Yến –Tổng Giám đốc

- + Ngày bổ nhiệm: 08/2020
- + Học vấn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- + Kinh nghiệm: 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị kinh doanh
- + Sở hữu : 266.640 cổ phiếu PLP (0,38%)

2. Ông Cao Văn Thái - Phó Tổng Giám đốc

- + Ngày bổ nhiệm: 06/2018
- + Học vấn: Cử nhân Tiếng Trung
- + Kinh nghiệm: 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất
- + Sở hữu: 17.600 cổ phiếu PLP (0.03%)

3. Ông Nguyễn Thanh Bình - Phó Tổng Giám đốc

- + Ngày bổ nhiệm: 05/2021
- + Học vấn: Cử nhân kinh tế

- + **Kinh nghiệm:** 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất
- + **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0 %)
- 4. Ông Phạm Xuân Trí – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**
- + **Ngày bổ nhiệm:** 05/2021
- + **Học vấn:** Thạc sĩ kinh tế
- + **Kinh nghiệm:** 8 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán
- + **Sở hữu:** 0 cổ phiếu PLP (0 %)

❖ **Những thay đổi trong Ban lãnh đạo**

Trong năm 2022, công ty không có thay đổi về nhân sự trong Ban lãnh đạo.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

❖ **Chiến lược phát triển đến năm 2025**

- ✓ Trở thành doanh nghiệp tiên phong, đi đầu trong ứng dụng khoa học công nghệ vật liệu để chuyển hóa tài nguyên khoáng sản Việt Nam thành các sản phẩm tiêu dùng chất lượng cao được thị trường trong nước quốc tế thừa nhận;
- ✓ Thành công trong vận hành hoàn hảo toàn bộ chuỗi cung ứng thông qua ứng dụng mô hình quản lý 5S, sản xuất tinh gọn tiết kiệm, ứng dụng tự động hóa công nghệ hiện đại;
- ✓ Lọt TOP 100 công ty có nơi làm việc hạnh phúc nhất Việt Nam.

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của công ty đến năm 2025:**

- ✓ Doanh thu xuất khẩu các sản phẩm đạt 10.000 tỷ đồng/năm
- ✓ Thị phần : Trở thành Top 3/10 nhà phân phối sản phẩm SPC lớn nhất của thị trường Mỹ
- ✓ Sở hữu các Công ty phân phối sản phẩm SPC đạt mục tiêu Market share chiếm 1% thị trường USA
- ✓ Triển khai mô hình quản lý 5S cho toàn bộ hệ thống nhân viên khối văn phòng và toàn bộ các nhà máy ở mức độ 100%
- ✓ Triển khai hệ thống quản trị năng lực nhân viên để áp dụng các chương trình đào tạo, huấn luyện nâng cao năng lực và phát triển sự nghiệp cho 100% nhân viên
- ✓ Triển khai khảo sát định kỳ sự hài lòng của nhân viên toàn hệ thống trong môi trường làm việc của PLP đạt 90% mức độ hài lòng

PHẦN II
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

TỔNG QUAN NGÀNH NHỰA THẾ GIỚI

Lịch sử hình thành và đặc điểm của ngành nhựa thế giới

Ngay từ khi bắt đầu, nguyên vật liệu nhựa ra đời như một giải pháp thay thế nguồn tài nguyên khan hiếm và không bền vững như rùa, ngà hoặc xương động vật. Kể từ đó, nhựa đã định hình một thế giới-nơi mang lại sự an toàn, vệ sinh, thoải mái và an sinh cho xã hội của



chúng ta. Ngày nay, nhựa có mặt trong vô số các sản phẩm công nghiệp, hàng tiêu dùng và nhựa công nghệ dụng giúp chúng ta tiết kiệm năng lượng, khí thải CO₂, nước và thậm chí cả trong ngành thực phẩm.

Vật liệu nhựa so sánh với các loại nguyên liệu khác

So với các loại nguyên liệu truyền thống như kim loại, gỗ, thủy tinh, da, ... vật liệu nhựa có một số tính chất ưu việt hơn như sau:

- ✓ Khả năng chống ăn mòn, chống thấm: so với các loại nguyên liệu truyền thống như kim loại hay gỗ thì khả năng chống bị ăn mòn do tác động của oxy hóa hay khả năng chống thấm nước của vật liệu nhựa là tốt hơn.
- ✓ Dễ tạo hình và sản xuất: với nhiệt độ nóng chảy thấp hơn kim loại hay thủy tinh, vật liệu nhựa giúp công việc tạo hình và chế tác sản phẩm trở nên dễ dàng hơn cũng như tiết giảm được chi phí sản xuất.
- ✓ Khả năng tái sinh và tính đa dạng lớn: ngoài khả năng tái sinh tốt, nguyên liệu nhựa còn có tính đa dạng hơn so với các loại nguyên vật liệu truyền thống.

Phân loại vật liệu nhựa

- ✓ **Nhựa nhiệt dẻo:** là loại vật liệu nhựa khi nung nóng đến nhiệt độ nóng chảy sẽ biến đổi về hình dạng vật lý và giữ lại hình dạng đó khi giảm nhiệt độ. Quá trình này có thể áp dụng nhiều lần khiến cho nhựa nhiệt dẻo là vật liệu có khả năng tái sinh rất cao. Một số loại nhựa nhiệt dẻo phổ biến đó là PE và các dẫn xuất (HDPE,

LDPE, LDPE, LLDPE) , PP, PVC, PS Vì đặc tính linh hoạt, chi phí sản xuất rẻ hơn nhựa nhiệt rắn nên nhiệt dẻo chiếm khoảng 75 % cơ cấu tiêu thụ toàn cầu. Các loại nhựa dẻo được sử dụng nhiều nhất là PE, PP, PVC, và PET. Trong cơ cấu tiêu thụ vật liệu nhựa toàn cầu năm 2017, PE (với các dẫn xuất HDPE, LDPE, LLDPE) và PP chiếm tỷ trọng cao nhất với lần lượt 28% và 20%. Đứng thứ 3 trong cơ cấu tiêu thụ là PVC với 12%.

✓ **Nhựa nhiệt rắn** : là loại vật liệu nhựa khu nung nóng đến nhiệt độ nhất định sẽ biến đổi cả về hình dạng vật lý lẫn tính chất hóa học tạo ra cấu trúc không gian ba chiều và không thể nóng chảy lại được nữa, do đó nhựa nhiệt cứng không có khả năng tái sinh. Một số loại nhựa nhiệt rắn phổ biến là Epoxy, vinyle, melamine.

Màng	Nguyên liệu nhựa	Công nghệ sản xuất	Sản phẩm	Đầu ra
Nhựa bao bì	PE (HDPE LDPE), PP và PET	Thổi (Extrusion blow molding)	Bao bì màng mỏng, túi ni lông, chai nhựa PET	Doanh nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống và các hệ thống bán lẻ, siêu thị.
Nhựa xây dựng	PVC, PE (HDPE)	Ép đùn (Extrusion molding)	Ống nhựa, tấm trần và tường nhựa	Người tiêu dùng
Nhựa dân dụng	PP, PS, ABS	Ép đúc (Injection molding)	Các sản phẩm đồ gia dụng	Người tiêu dùng
Nhựa kỹ thuật	PVC, PP, PU	Ép đúc (Injection molding)	Các loại linh phụ kiện	Các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, thiết bị điện, điện tử.

Cung cầu ngành nhựa thế giới



Nguồn: Plastic Euro

NAFTA, châu Âu và Trung Quốc là các khu vực có sản lượng sản xuất nguyên liệu nhựa lớn nhất trên thế giới. Bắc Mỹ và Châu Âu là những khu vực phát triển đầu tiên của ngành nhựa thế giới từ những năm 1950. Lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào như khí thiên nhiên đối với khu vực Bắc Mỹ hoặc dầu thô như đối với khu vực Châu Âu hay than đá với khu vực Trung Quốc, khiến cho ngành công nghiệp hóa dầu ở

những khu vực này cực kỳ phát triển và đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị của ngành nhựa thế giới. Trong giai đoạn 2012-2017, sản lượng nguyên liệu nhựa sản xuất của khu vực Châu Á liên tục tăng trưởng trong khi sản lượng của khu vực NAFTA và Châu Âu đã bước vào giai đoạn bão hòa, sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm dần xuống xung quanh 4% từ năm 2013 – 2017. Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu đang có xu hướng chuyển dịch sang Châu Á và đặc biệt là Trung Quốc. Nguyên nhân là do ngành nhựa tại 2 khu vực là Châu Âu và Bắc Mỹ đã bước vào giai đoạn bão hòa với tỷ lệ tiêu thụ nhựa bình quân đầu người đã ở mức cao.



Nguồn: Nexant

Nhu cầu nguyên liệu nhựa của thế giới dự báo sẽ tăng trưởng chậm. Theo dự báo của Nexant, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa của toàn thế giới chỉ tăng trưởng bình quân 3,8% một năm giai đoạn 2017-2025. Nguyên nhân do ngành nhựa thế giới đã trong giai đoạn bão hòa khi sản lượng nhựa sản xuất toàn cầu chỉ tăng trưởng với tốc độ trung bình ở mức 4% trong vòng 20 năm qua.

Trung Quốc và Châu Á là động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa thế giới. Tốc độ tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa của Trung Quốc và phần còn lại của Châu Á được dự báo lần lượt ở mức 4,95% và 4,57% cao hơn so với mức trung bình của thế giới. Nguyên nhân do, Châu Á là khu vực có mức tăng trưởng kinh tế ở mức cao và mức tiêu thụ nguyên liệu nhựa bình quân đầu người vẫn còn thấp so với trung bình thế giới. Bên cạnh đó, Trung Đông cũng là một khu vực có mức tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu nhựa cao với tốc độ tăng trưởng dự báo ở mức 4,46% trong gian đoạn 2017-2025.

Triển vọng và xu hướng của ngành nhựa Thế giới

❖ Triển vọng tăng trưởng của ngành nhựa Thế giới

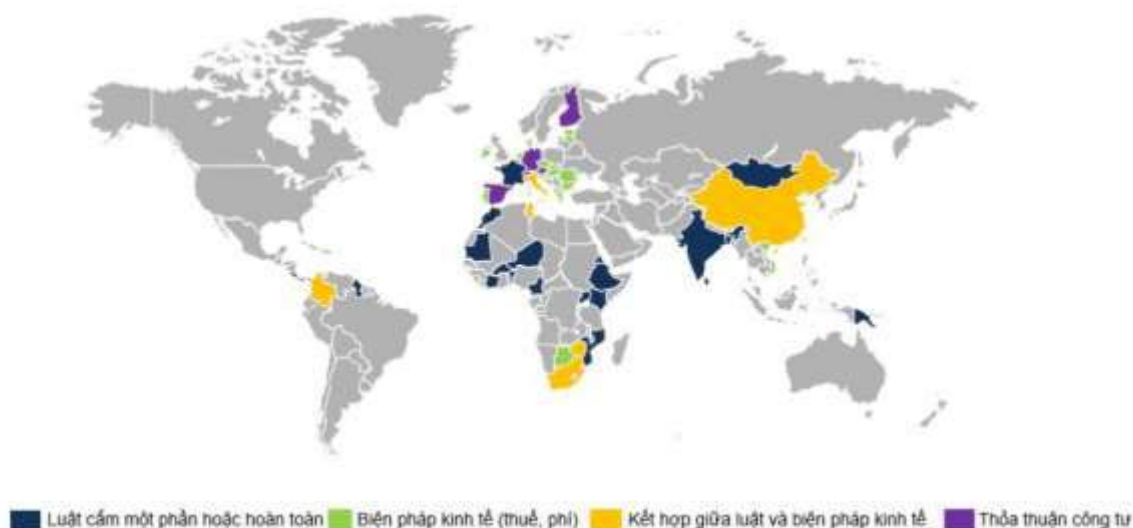
Thị trường nhựa toàn cầu ước tính đạt 695 tỷ USD trong năm 2022 và phát triển với tốc độ CAGR dự kiến đạt 3.7% trong giai đoạn 2022 - 2032. Ước tính đến hết năm 2032, giá trị thị trường nhựa sẽ đạt khoảng 885 tỷ USD.

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa nhanh ở các nền kinh tế mới nổi đã làm gia tăng doanh số bán nhựa trên thị trường toàn cầu. Trong giai đoạn 2022 – 2032 được dự báo sẽ có gia tăng mạnh mẽ của các hoạt động sản xuất trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, sản xuất ô tô và điện tử tiêu dùng, đây là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng thị trường nhựa.

Doanh số bán nhựa đang tăng lên nhờ xu hướng sử dụng nhựa thay thế cho kim loại như nhôm, thép. Trong quá trình sản xuất vật liệu nhựa độn để đáp ứng các quy định nhằm cải thiện khả năng chịu tải giúp tăng khả năng tiết kiệm nhiên liệu và tiết kiệm năng lượng. Trong nhiều ngành công nghiệp, bao gồm kỹ thuật công nghiệp, xây dựng, năng lượng mặt trời và công nghiệp ô tô, và tấm polycarbonate sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn so với các tấm kim loại xây dựng. Nhu cầu về các giải pháp cải tiến vật liệu nhựa cho nhiều ứng dụng khác nhau như xây dựng, thiết bị, linh kiện,... đang ngày càng gia tăng đã chứng minh cho xu hướng và cơ hội của thị trường nhựa trong tương lai.

❖ Xu hướng của ngành nhựa Thế giới

Trước vấn đề quá tải rác thải nhựa, các quốc gia trên thế giới đang dần đẩy mạnh việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa và đặc biệt là bao bì dùng một lần nhằm giảm thiểu lượng rác thải nhựa ra môi trường. Các biện pháp chủ yếu là cấm một phần hoặc toàn bộ việc sử dụng bao bì, và các biện pháp kinh tế liên quan đến thuế hoặc phí phạt. Việc các khu vực tiêu thụ nhiều sản phẩm nhựa bao bì như EU, Mỹ, Trung Quốc hướng đến việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa dùng một lần sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến mảng nhựa bao bì toàn cầu.



Nguồn: UN Environment

Trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm nhựa tự hủy là sản phẩm được ưa chuộng để thay thế cho các sản phẩm nhựa truyền thống. Tổng năng lực sản xuất các loại nguyên liệu nhựa tự hủy toàn cầu năm 2018 đạt 2.1 triệu tấn/năm trong đó nhựa phân hủy sinh học chiếm 1.2 triệu tấn và nhựa sinh học chiếm 0.9 tấn. Theo dự báo của European Bioplastics, tổng năng lực sản xuất các loại nguyên liệu nhựa tự hủy năm 2023 ước đạt 2.6 triệu tấn/năm tương đương với tăng trưởng trung bình 4.4% một năm giai đoạn 2018-2023.

NGÀNH NHỰA VIỆT NAM

❖ Tổng quan thị trường năm 2022

Năm 2022 sản lượng ngành Nhựa đạt 9.54 triệu tấn, tăng 1.9%, là năm thấp nhất sau hơn 1 thập niên tăng trưởng liên tục trên 15%. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa Việt Nam tiếp tục tăng nhưng thấp hơn một nửa (10.5%) so với năm 2021, đạt 5.447 tỷ USD. Tổng doanh thu khoảng 25.18 tỷ USD, tăng 5.68% so cùng kỳ. Doanh thu tăng trưởng nhưng lợi nhuận của các doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ từ 3% đến 11% tùy theo ngành hàng. Do giá nguyên liệu tăng từ 1.3% đến 3.68%, cộng với chính sách tăng lãi suất cho vay bằng tiền đồng Việt Nam.

Năm 2022 là một năm nhiều khó khăn, thách thức đối với ngành nhựa nói chung và các doanh nghiệp nhựa nói riêng. Vừa bước qua giai đoạn 2020 - 2021 đại dịch Covid-19 gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu thì ngành nhựa tiếp tục đối mặt với những bất ổn từ tình hình kinh tế - xã hội, lạm phát gia tăng, chính sách tiền tệ thắt chặt, kéo theo thương mại hàng hóa suy giảm đáng kể. Tuy nhiên đây được đánh giá là những khó khăn mang tính thời điểm, ngành nhựa Việt Nam vẫn còn nhiều triển vọng trong thời gian tới nhờ làn sóng dịch chuyển sản xuất cùng những lợi thế Hiệp định thương mại tự do EVFTA.

❖ Xu hướng phát triển

- Thời gian tới, ngành nhựa được kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng cao vì những lý do sau:
 - Ngành nhựa là một ngành đặc biệt bởi các sản phẩm nhựa vừa có thể là đầu vào của một ngành khác (dệt may, da giày, điện tử,...), vừa có thể là sản phẩm tiêu dùng cuối cùng (bao bì, đồ gia dụng, xây dựng...). Do đó, khi các ngành này phát triển thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm nhựa cũng tăng lên.
 - Việt Nam là một quốc gia đang phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của Việt Nam trên 6% trong 10 năm trở lại đây. Các hoạt động sản xuất, xuất khẩu, xây dựng... đều tăng trưởng nhanh, kéo theo nhu cầu tiêu thụ và sử dụng các sản phẩm nói chung và đặc biệt là sản phẩm nhựa – sản phẩm có vai trò quan trọng trong nhiều ngành kinh tế – tăng mạnh. Trong thời gian tới, dự kiến tiêu dùng, xuất khẩu và xây dựng của Việt Nam tiếp tục gia tăng, khiến cho nhu cầu các sản phẩm nhựa bao bì, gia dụng, xây dựng được dự kiến tăng tương ứng.
 - Việt Nam ngày càng mở cửa và cải thiện môi trường đầu tư thu hút nhiều đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, trong đó có ngành nhựa, giúp tạo điều kiện cho ngành

này phát triển cạnh tranh và hiện đại hơn, từ đó tăng thêm cơ hội ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

- Các Hiệp định thương mại tự do mới của Việt Nam một mặt giúp đa dạng hóa thị trường nhập khẩu và giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu và máy móc cho ngành nhựa, mặt khác tăng cường khả năng tiếp cận các thị trường mới cho các sản phẩm nhựa của Việt Nam.
- Tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn sau đại dịch COVID-19 có thể sẽ khiến người tiêu dùng nhiều quốc gia chuyển sang sử dụng các sản phẩm nhựa với giá cả phải chăng hơn và do đó nhựa của Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội hơn ở các thị trường này.

- **Đầu tư nước ngoài vào ngành nhựa Việt Nam có xu hướng gia tăng giúp giảm chi phí đầu vào cho ngành nhựa**

Sau nhiều biến động của thị trường thế giới (do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, do nhiều nước lớn bắt đầu các kế hoạch tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu), Việt Nam nổi lên như một trong những điểm đến ổn định và thuận lợi có thể bổ sung cho Trung Quốc trong chuỗi cung ứng của một số lĩnh vực trong đó có nhựa.

Hơn nữa, việc Việt Nam ký kết hàng loạt các FTA thế hệ mới trong thời gian gần đây (như CPTPP, EVFTA, RCEP) giúp mở ra cơ hội thu hút đầu tư không chỉ ở các nước đối tác FTA mà cả các nước khác (để đầu tư sản xuất hàng hóa tại Việt Nam và xuất khẩu đi tận dụng các cơ hội của FTA). Ngành nhựa cũng không nằm ngoài cơ hội này.

Thêm vào đó, ngành nhựa của Việt Nam có nhiều tiềm năng, đầu tư nước ngoài trong ngành này trong những năm qua cũng chưa nhiều, dư địa cho các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn rất lớn.

Theo xu hướng này thì ngành nhựa Việt Nam có thể sẽ phát triển sôi động và cạnh tranh hơn trong thời gian tới. Với tiềm lực về tài chính và công nghệ của khối ngoại có thể sẽ giúp giải quyết một phần bài toán về thiếu hụt nguyên liệu và máy móc dây chuyền sản xuất trong nước, từ đó giảm chi phí đầu vào cho ngành nhựa.

- **Nhu cầu đối với các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao được dự kiến gia tăng**

Ngành nhựa phụ thuộc rất lớn vào các ngành khác mà nhựa là một trong những nguyên liệu đầu vào như ngành điện tử, viễn thông, xe đạp – xe máy..... Do khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, các sản phẩm này ngày càng tinh vi và hiện đại, đòi hỏi nhựa nguyên liệu sử dụng cũng phải có chất lượng tương ứng. Vì vậy, nhu cầu đối với nhựa kỹ thuật cao được dự kiến sẽ gia tăng trong thời gian tới.

Trong khi đó, một mặt nhiều doanh nghiệp nhựa trong nước cũng đã bắt đầu đầu tư lớn cho công nghệ để cho ra nhiều sản phẩm nhựa chất lượng cao phục vụ trong nước và xuất khẩu. Mặt khác khối FDI đang từng bước thâm nhập thị trường nhựa Việt Nam với tiềm lực vốn, công nghệ và quản lý hiện đại giúp nâng cao năng lực và kỹ thuật của ngành nhựa Việt Nam. Vì thế, khi nhu cầu gia tăng và nguồn cung bắt đầu đáp ứng được thì thị trường nhựa kỹ thuật cao sẽ có xu hướng phát triển mạnh trong thời gian tới.

- **Các sản phẩm nhựa chất lượng cao, tái chế, thân thiện môi trường sẽ ngày càng được ưa chuộng**

Đối với các sản phẩm nhựa tiêu dùng cuối cùng, do tình hình kinh tế thế giới khó khăn sau đại dịch COVID-19, các sản phẩm nhựa bình dân được dự đoán sẽ có nhu cầu cao hơn trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong trung hạn và dài hạn, với thu nhập ngày càng gia tăng đặc biệt ở khu vực thành thị Việt Nam và tại các nước xuất khẩu phát triển, nhu cầu đối với các sản phẩm nhựa chất lượng cao (nhẹ, bền, an toàn cao...) sẽ gia tăng, đặc biệt để thay thế các sản phẩm từ vật liệu truyền thống như sắt thép, thủy tinh....

Bên cạnh đó, ý thức bảo vệ môi trường của người tiêu dùng, đặc biệt ở các nước phát triển, ngày càng được nâng cao, khiến họ chuyển hướng sang những sản phẩm nhựa thân thiện môi trường như nhựa tái chế, nhựa có thể phân hủy. Để các sản phẩm nhựa Việt Nam tiếp tục duy trì xuất khẩu đi các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật thì các doanh nghiệp nhựa cũng phải thay đổi để đáp ứng xu hướng này.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG FILLER MASTERBATCH

Theo Grand View Research, thị trường Filler masterbatch toàn cầu được định giá 307.04 triệu USD vào năm 2020 và ước tính đạt 521.81 triệu USD vào năm 2028. Thị trường dự kiến sẽ mở rộng với tốc độ CAGR là 7.0% từ năm 2021 đến năm 2028. Sự tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng từ các ngành bao bì, xây dựng, ô tô và hàng tiêu dùng.

Phân khúc ngành bao bì thống trị thị trường hạt nhựa độn và chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất hơn 40.0% vào năm 2022. Một trong những yếu tố chính thúc đẩy tăng trưởng của thị trường là nhu cầu ngày càng tăng từ thị trường thương mại điện tử. Thị trường thương mại điện tử toàn cầu đang phát triển, chủ yếu bao gồm mua sắm trực tuyến, đã chứng kiến sự gia tăng nhu cầu về các sản phẩm đóng gói để vận chuyển sản phẩm được bán. Các nhà bán lẻ trực tuyến sử dụng các loại hộp khác nhau tùy theo sản phẩm được vận chuyển. Những hộp này đảm bảo an toàn cho các sản phẩm được vận chuyển trong đó. Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực trọng điểm của thị trường thương mại điện tử toàn cầu và có khả năng mang đến những cơ hội tăng trưởng to lớn. Ảnh hưởng ngày càng tăng của thương mại điện tử trong các ứng dụng khác nhau như đồ gia dụng, quần áo và giày dép, hàng tiêu dùng, sách, mỹ phẩm, đồ trẻ em và hàng tạp hóa được dự đoán sẽ thúc đẩy tăng trưởng thị trường trong giai đoạn dự báo.

42% tăng trưởng của thị trường sẽ bắt nguồn từ Châu Á – Thái Bình Dương trong giai đoạn dự báo. Trung Quốc và Nhật Bản là những thị trường chính của masterbatch của khu vực. Tăng trưởng tại các thị trường này sẽ nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của các thị trường khác.

Filler masterbatch được sử dụng rộng rãi trong sản xuất các bộ phận ô tô và đã chứng kiến nhu cầu ngày càng tăng do nhu cầu mạnh mẽ từ ngành công nghiệp ô tô. Nhiều nhà sản xuất ô tô nổi tiếng sử dụng nhựa trong các bộ phận ô tô để giảm trọng lượng xe, giúp cải thiện hiệu quả sử dụng nhiên liệu. Điều này đang thúc đẩy nhu cầu về các loại nhựa khác nhau được pha trộn với filler masterbatch để thay đổi các đặc tính chức năng. Các nền kinh tế mới nổi của Châu Á Thái Bình Dương, chẳng hạn như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và các nền kinh tế khác, đã chứng kiến sự gia tăng hoạt động sản xuất ô tô, điều này được kỳ vọng sẽ tiếp tục thúc đẩy các thành phần nhựa trong khu vực trong giai đoạn dự báo. Sự gia tăng trong việc triển khai các thành phần nhựa trong ô tô dự kiến sẽ thúc đẩy thị trường hạt nhựa độn trong ngành công nghiệp ô tô.

Lĩnh vực xây dựng và công trình trên toàn cầu dự kiến sẽ phát triển do quá trình đô thị hóa và dân số ngày càng tăng. Sự gia tăng trong lĩnh vực xây dựng và xây dựng dự kiến sẽ làm tăng nhu cầu về hạt nhựa độn cho sản xuất ống; tay cầm công cụ, thiết bị an toàn, thùng vận chuyển, lưới xây dựng và các vật liệu xây dựng nội ngoại thất khác phù hợp cho hệ thống ống nước trên mái nhà và phụ kiện điện.

Châu Á Thái Bình Dương chiếm thị phần doanh thu đáng kể trên thị trường vào năm 2022. Điều này là do ngành công nghiệp chế biến nhựa, ô tô, bao bì, hàng tiêu dùng và xây dựng đang phát triển.

R&D đang diễn ra đang thúc đẩy tăng trưởng thị trường

Sự tiến bộ của polyme & Filler Masterbatch phụ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu và phát triển, từ việc lựa chọn vật liệu và công nghệ đến cải thiện công thái học. Những cải tiến gần đây trong Masterbatch đã làm giảm trọng lượng trong khi vẫn duy trì chất lượng giống hệt nhau và tác động đáng kể đến việc tiết kiệm tài nguyên và năng lượng một cách hiệu quả. Ví dụ: một chai nhựa 500 mL nặng 24g vào năm 1990 và 9.5g vào năm 2013, giảm 14.5g mỗi chai và giảm 60% trọng lượng trong khoảng thời gian 25 năm. Masterbatch chất độn nhựa có xu hướng đa năng khi công nghệ mới tiến bộ. Khoảng trống giữa chất độn và các chất phụ gia mới được sử dụng trong việc tạo ra masterbatch chất độn mang lại cho sản phẩm những hiệu suất vượt trội hoặc độc đáo.

Tác động của Chiến tranh Nga-Ukraine và Đại dịch sau Covid-19 đối với thị trường Filler Masterbatch

Xung đột đang diễn ra giữa Nga và Ukraine đã dẫn đến các lệnh trừng phạt kinh tế và căng thẳng chính trị, điều này có thể tác động tiêu cực đến thị trường hạt nhựa độn. Cùng với đại dịch COVID-19 gây ra suy thoái kinh tế toàn cầu, thị trường được dự báo sẽ sụt giảm nhu cầu và gián đoạn chuỗi cung ứng.

Tuy nhiên, khi thế giới tiếp tục phục hồi sau đại dịch, nhu cầu về các sản phẩm nhựa được dự đoán sẽ tăng lên, qua đó thúc đẩy thị trường hạt nhựa độn. Những người hưởng lợi chính từ sự tăng trưởng này dự kiến sẽ là các công ty sản xuất lớn chuyên sản xuất nhựa, những công ty có khả năng mở rộng hoạt động để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.

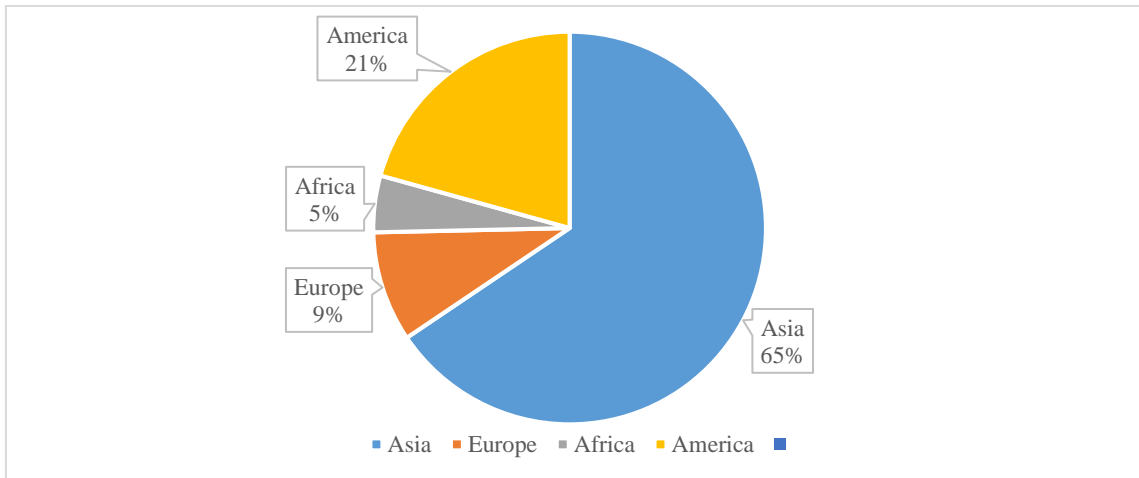
Việc một số quốc gia ban hành các lệnh hạn chế túi nylon mỏng và đồ nhựa dùng một lần ban đầu có thể ảnh hưởng tới sản lượng tiêu dùng Filler Masterbatch. Tuy nhiên các nhà sản xuất túi và đồ nhựa có sự thích nghi bằng việc sản xuất các sản phẩm dày dặn hơn, chắc chắn hơn – trong đó hàm lượng Filler Masterbatch cũng nhiều hơn. Hoặc chuyển đổi từ túi nylon sang sản xuất túi PP kéo sợi hoặc túi PP vải không dệt – là các sản phẩm bền hơn nhưng cũng có hàm lượng filler rất lớn có thể lên tới 50% trọng lượng sản phẩm.

Ngoài ra, tái chế vật liệu đóng gói là một xu thế tất yếu, trong đó nhu cầu về hạt độn trong vật liệu nhựa là rất cao. Nhu cầu về masterbatch dự kiến sẽ tăng lên để cung cấp các đặc tính bổ sung cho nguyên liệu thô trong khi tái chế.

Nhìn chung, mặc dù thị trường có thể gặp phải những gián đoạn ngắn hạn, nhưng thị

trường hạt nhựa độn nhựa có thể sẽ tăng trưởng dài hạn vừa phải trong thời kỳ tới

Tỷ trọng các thị trường tiêu thụ Filler Masterbatch

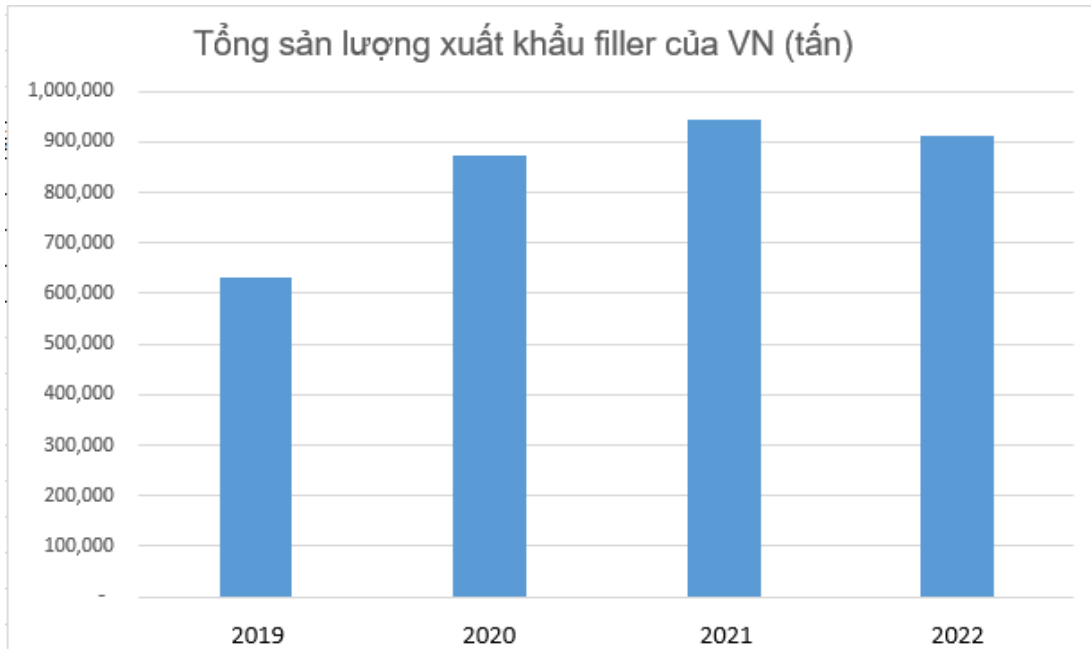


Nguồn: Market Research Future

Thị trường Châu Á được dự báo tăng trưởng 7%, riêng Trung Quốc tăng trưởng 7.5% giai đoạn 2019-2025

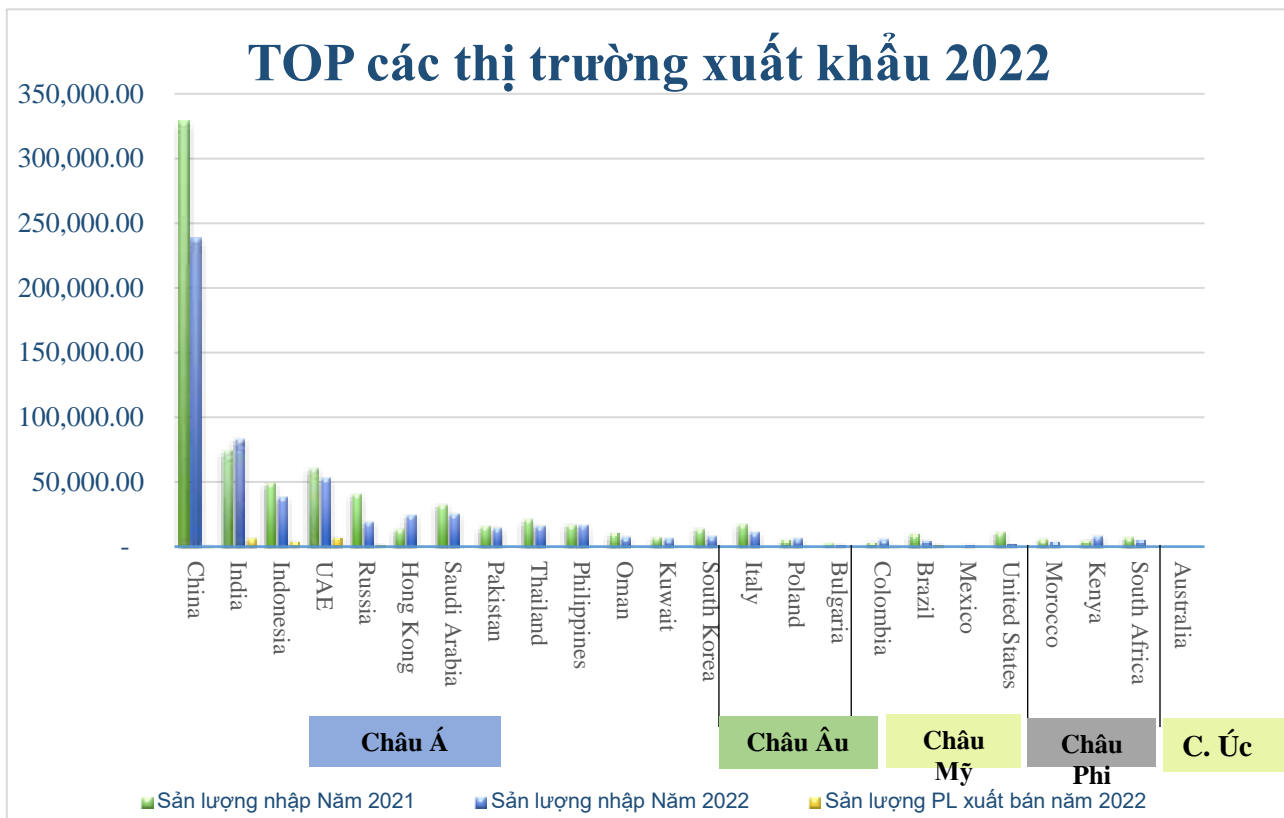
- ✓ Thị trường Châu Âu : giá trị thị trường đạt 3.8 tỉ usd năm 2025
- ✓ Thị trường Bắc Mỹ: giá trị thị trường đạt 3 tỉ USD năm 2025

Thị trường Filler Masterbatch Việt Nam



Thị trường Filler Masterbatch tại Việt Nam được dự đoán sẽ tăng với tốc độ đáng kể trong giai đoạn dự báo 2023-2028. Nhu cầu ngày càng tăng từ các ngành công nghiệp khác nhau như bao bì, xây dựng, hàng tiêu dùng, ô tô, nông nghiệp và các ngành khác đang thúc đẩy nhu cầu về filler masterbatch.

Bên cạnh đó, lợi thế ưu đãi đầu tư vào đất đai, năng lượng, lao động giá rẻ để tiết kiệm chi phí, thuế, giá nguyên vật liệu đang tạo xu hướng tăng trưởng tích cực cho thị trường. Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do và các chính sách đối ngoại đã thu hút các công ty nước ngoài tận dụng lợi thế và đầu tư vào Việt Nam là một yếu tố được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhu cầu về filler masterbatch từ các ngành công nghiệp khác nhau để sản xuất sản phẩm.



Số lượng các nhà xuất khẩu Filler nửa cuối năm 2022 giảm đáng kể so với hồi cuối năm 2021 và đầu năm 2022 do sự cạnh tranh khốc liệt về giá. Thị trường đã được đánh giá “sạch hơn” bởi một số nhà cung cấp bán giá rẻ và phá giá đã không thể “gồng gánh” và đi đường dài được nữa. Nếu như năm 2021 có khoảng 50 nhà xuất khẩu tham gia vào sân chơi thì hiện tại còn trung bình 38 - 45 nhà xuất khẩu. Trong đó, 80% thị phần thuộc top 10 nhà cung cấp lớn hàng đầu trong đó có Nhựa Pha Lê.

Thị trường 2022 vực dậy đáng kể so năm 2021 sau đại dịch và cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Trong đó, nhờ có lợi thế về vị trí gần nên Châu Á vẫn bền bỉ chiếm tỉ trọng nhập khẩu lớn nhất từ Việt Nam phân theo năm châu lục.

Dự báo giai đoạn 2023-2025, tỉ trọng quốc gia nhập khẩu Filler chính từ Việt Nam vẫn tới từ 2 quốc gia đông dân nhất thế giới đó là Trung Quốc và Ấn Độ. Thị trường logistics dần đi vào ổn định, cước biển hàng xuất từ Việt Nam có lợi thế hơn giai đoạn trong đại dịch nên có sự chuyển dịch nhẹ thị trường sang khu vực Nam Mỹ và Châu Phi trong những năm tới.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG PHÀO NỆP SPC**Thị trường Ván sàn SPC thế giới và Việt Nam – Bản lề cho sự phát triển của Phào nẹp SPC**

Giai đoạn 2015 – 2016 đánh dấu sự ra đời của ván sàn SPC, một loại ván lát sàn mới thay thế cho các loại vật liệu lát nền cũ trên thị trường. Ván sàn SPC đã có sự tác động mạnh mẽ ngay lập tức thay đổi xu hướng tiêu dùng trên toàn cầu vì loại sản phẩm này sở hữu những tính năng vượt trội hơn hẳn các loại ván sàn thông thường như: có tuổi thọ cao, lắp đặt dễ dàng, tốt cho sức khỏe con người, thân thiện với môi trường, không bắt cháy, không sợ nước hay mối mọt... Do đó, không chỉ người tiêu dùng mà các nhà phân phối vật liệu xây dựng lớn, các thương hiệu bán lẻ trên thế giới đều tìm kiếm những nguồn cung cấp những mặt hàng này từ các nhà sản xuất quy mô lớn trên phạm vi toàn cầu.

Tổng quan ngành công nghiệp lát sàn

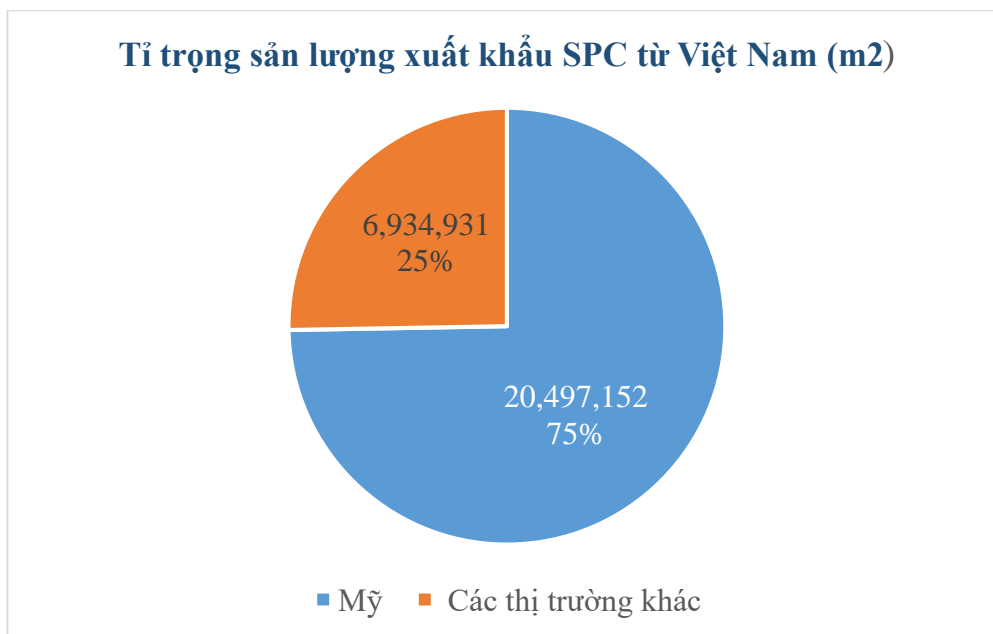
Ngành công nghiệp lát sàn trên thế giới không ngừng tăng trưởng mạnh trong nhiều năm qua. Đạt tổng trị giá 324.26 tỷ USD vào năm 2017, dự kiến sẽ đạt 447.74 tỷ USD vào năm 2023 và 621.54 tỷ USD vào năm 2028, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu hàng năm là 6.1%.

Về ứng dụng khu vực nhà ở chiếm hơn 50% thị phần toàn thị trường năm 2022. Thị trường lát sàn cho các dự án thương mại được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trên 4.5% hàng năm cho đến năm 2024.

Năm 2019 là năm chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ của sàn đá công nghệ SPC vào thị trường ván sàn Việt Nam. Sự hấp dẫn của loại ván sàn này phần lớn nằm ở khả năng chịu nước tuyệt đối bởi tính chất vật lý của nhựa giúp sàn có khả năng chống trượt với khí hậu nóng ẩm Việt Nam, điều mà các dòng sàn truyền thống khó đáp ứng được. Cũng chính vì điều này mà sàn đá công nghệ SPC đã nhanh chóng chiếm trọn chỗ đứng khi vừa mới du nhập vào thị trường.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của sàn SPC

Hiện nay SPC đang tăng trưởng mạnh mẽ về giá trị doanh thu và chiếm thị phần từ hầu hết các sản phẩm cạnh tranh khác. Trung Quốc vẫn đang giữ hạng đầu là quốc gia thống trị trong xuất khẩu SPC. Mỹ vẫn là thị trường nhập khẩu hàng đầu cho mặt hàng ván sàn SPC



(Nguồn: Tài Liệu Hải Quan Việt Nam Xuất Khẩu, 2020)

Sản lượng xuất khẩu sang thị trường Bắc Mỹ chiếm hơn 74% tổng sản lượng xuất khẩu. Bắc Mỹ còn chiếm hơn 78% tổng giá trị xuất khẩu. Do đó, có thể thấy rằng Bắc Mỹ vẫn là thị trường số một cho sản phẩm sàn đá công nghệ SPC (hay LVT nói chung).

Nắm chắc xu thế phát triển

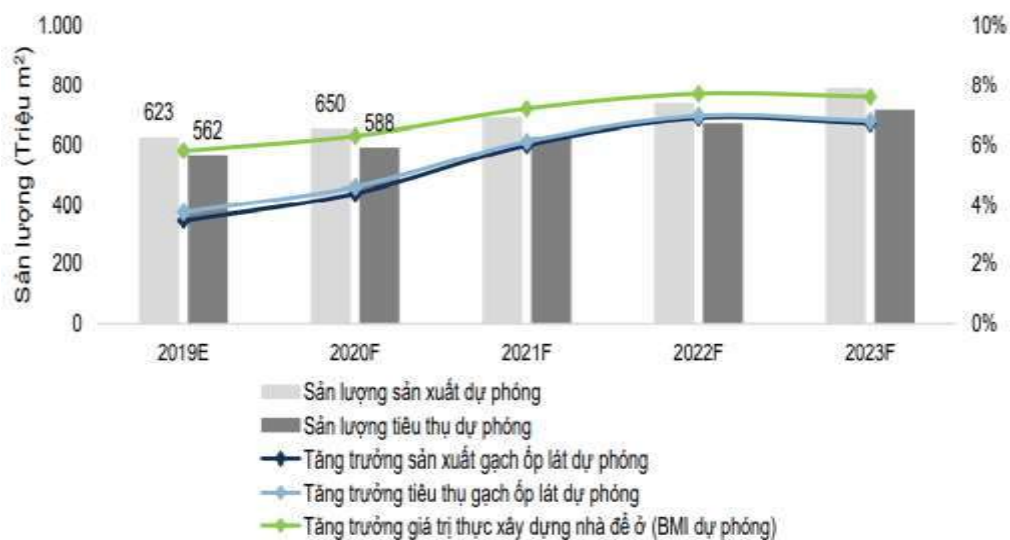
Trong một báo cáo của Vietnam Report cho thấy, thị trường ván sàn đã phát triển ổn định và đáp ứng tốt nhu cầu nội địa. Theo thống kê của Tổng cục điều tra dân số và nhà ở (UNFPA), năm 2022, tổng dân số của Việt Nam đạt trên 99 triệu dân, trong đó nhóm dân số trẻ chiếm tới 70% dân số. Đây là một lợi thế quan trọng trong việc chuyển đổi tư duy sử dụng sản phẩm truyền thống sang sản phẩm công nghệ mới như sàn đá công nghệ SPC.

Theo BMI, tốc độ tăng trưởng xây dựng nhà ở (mảng tiêu thụ chính của gạch ốp lát) được dự báo ở mức tăng trưởng đến năm 2028 bình quân đạt 7.4%/năm .

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ ngành gạch ốp lát được dự báo đạt đỉnh năm 2022 với tỷ lệ tăng trưởng chỉ hơn 1%, sau đó giảm dần trong năm 2023. Trong khi đó, tỷ lệ tăng trưởng mảng xây dựng nhà ở vẫn tăng đều ở tốc độ 7%.

Bên cạnh đó, xu hướng vật liệu xây dựng chống nước và chống cháy lan đang ngày càng mở rộng, bởi thực trạng ngập lụt, cháy nổ đang diễn ra nhiều hơn tại nhiều nơi, khu vực, tỉnh thành tại Việt Nam.

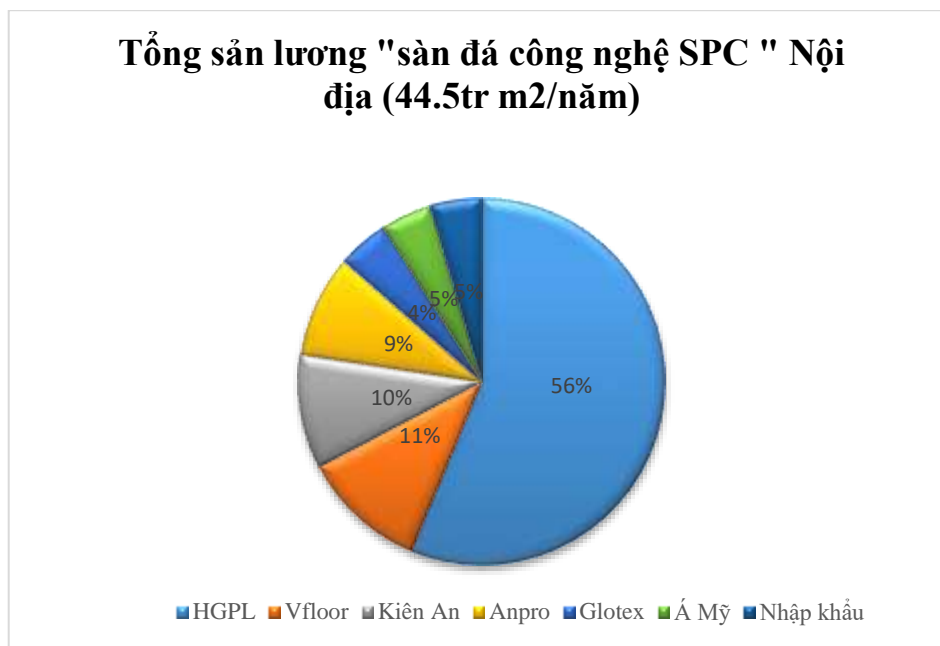
Biểu đồ 50: Dự phóng sản lượng sản xuất & tiêu thụ ngành gạch ốp lát Việt Nam giai đoạn 2019 – 2023



Nguồn: FPTTS Research.

Thị phần các ông lớn trong ngành sản xuất ván sàn SPC tại Việt Nam hiện nay

- ✓ Công ty cổ phần Hoàng Gia Pha Lê (do Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê sở hữu 51% cổ phần) - TOP 3 doanh nghiệp sản xuất sàn đá công nghệ SPC tại Việt Nam. Sở hữu hệ thống sản xuất sàn đá công nghệ hiện đại công suất 26 triệu m² sàn/năm – Doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam tự chủ nguồn cung ứng nguyên liệu chất lượng cao.
- ✓ Công ty cổ phần sản xuất Havitech sản xuất thương hiệu VFLOOR với sản lượng nhà máy đạt 5 triệu m²/năm;
- ✓ Công ty cổ phần nhựa Kiên An với 02 sản phẩm nổi bật là Tấm nhựa vân đá cẩm thạch và Ván sàn hèm khóa composite đạt công suất 7 triệu m²/năm;
- ✓ Công ty cổ phần vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường: Với nhãn hiệu AnPro – nhãn hiệu vật liệu xây dựng nhựa kiến trúc công nghệ cao của An Phát Holdings (APH) đạt công suất trung bình 4.5 triệu m²/năm.
- ✓ Công ty cổ phần công nghệ Á Mỹ được xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc – cái nôi của ngành gốm sứ Việt Nam, đã từng dẫn dắt nhiều tập đoàn lớn trong ngành, với sản lượng SPC đạt 15 triệu m²/năm;
- ✓ Công ty cổ phần Wilson Việt Nam – một trong những nhà phân phối sàn gỗ công nghiệp hàng đầu Việt Nam hiện nay, với sản phẩm gạch nhựa hèm khóa SPC, Wilson Việt Nam đạt công suất 2 triệu m²/năm.



Có thể thấy, hiện nay các doanh nghiệp sản xuất loại vật liệu mới này đang có sự đầu tư lớn để phát triển sản phẩm. Trữ lượng có thể ngay lập tức đáp ứng thị trường hiện đạt 44.5tr m²/năm, cho thấy việc cung đang vượt mức cầu thị trường.

Tình hình xuất khẩu

Việt Nam tiếp tục được đánh giá là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư ngoại, nhất là trong bối cảnh cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung Quốc đang leo thang và chưa có điểm dừng. Thế nhưng, ngược lại với làn sóng vốn ngoại ò ạt vào thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp (DN) trong nước lại chưa tìm ra giải pháp hiệu quả để nắm giữ thị phần nội địa.

Những doanh nghiệp có tiềm lực xuất khẩu và vốn chỉ tập trung cho thị trường nước ngoài hiện cũng đang đối diện với nhiều rủi ro lớn. Bởi các nước nhập khẩu đang ráo riết thiết lập các rào cản thương mại về tiêu chuẩn, chất lượng, quy cách dán nhãn, thay đổi hình thức bao bì sản phẩm... Mỗi sự thay đổi về rào cản kỹ thuật sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bởi doanh nghiệp buộc phải điều chỉnh quy trình, công nghệ sản xuất, thậm chí thay đổi cả kế hoạch sản xuất, khiến tiêu tốn rất nhiều chi phí và giảm đáng kể năng lực cạnh tranh trên thị trường ngoại.

Thị trường Phào nẹp SPC – Miền đất hứa với nhiều tiềm năng

Sự ra đời tất yếu

Phào, nẹp SPC là những phụ kiện không thể thiếu khi thi công và hoàn thiện nội thất, đặc biệt là với sàn SPC. Đây là phụ kiện có chức năng che đi các khoảng trống giữa nở cho sàn khi hoàn thiện, đồng thời được sử dụng để trang trí giúp tăng tính thẩm mỹ cho nền lát sàn gỗ. Sản phẩm có các ưu điểm vượt trội so với phào, nẹp gỗ như chống mối mọt, cong vênh, chống nước, chịu nhiệt, chống cháy hoàn toàn, khả năng giữ màu tốt và chống biến dạng, va đập mạnh, có độ bền rất cao, không chịu ảnh hưởng của các yếu tố thời tiết. Chính vì vậy, khi ván sàn SPC ra đời với những ưu điểm nổi trội cũng là lúc mở toang cánh cửa đưa phào nẹp SPC đến tay người tiêu dùng.

Bất kì một công trình thi công ván sàn SPC nào cũng cần đến các loại phụ kiện như phào, nẹp, hèm U để đồng bộ hóa. Khi thị trường ván sàn SPC tăng trưởng, việc ra đời và phát triển phụ kiện ván sàn là điều tất yếu.

Cán cân cung cầu thiên lệch

Khi nhu cầu sử dụng sàn SPC đang gia tăng trên toàn thế giới, thì nguồn cung về phụ kiện ván sàn vẫn chưa đáp ứng được đà tăng để tạo cho mình một sân chơi riêng.

Theo số liệu điều tra thị trường cho thấy, hầu hết các quốc gia đều nhập khẩu Phụ kiện ván sàn SPC từ Trung Quốc. Đất nước tỷ dân vẫn cho thấy mình là một hình mẫu trong việc đón đầu xu thế phát triển của các ngành công nghiệp. Mặt hàng của họ được ưa chuộng do yếu tố giá thành rẻ, thời gian cung cấp nhanh...

Trong khi đó, tại Việt Nam, hơn khoảng 10 nhà sản xuất Ván sàn SPC nhưng hiện tại chỉ có 01 đến 02 đơn vị tập trung đầu tư cho mặt hàng này, trong đó phải kể đến Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê. Với tệp khách hàng quốc tế sẵn có với sản lượng mua ván sàn SPC hàng triệu m²/ năm cùng với thị trường nội địa đang chờ khai phá, hứa hẹn sẽ mang đến nhiều đột phá cho Nhựa Pha Lê trong thời gian tới.

Động lực cho sự phát triển

Nhu cầu về nội thất nói chung và ván lát sàn – phụ kiện phào nẹp ván lát sàn nói riêng trong những năm gần đây liên tục ghi nhận những sự tăng trưởng đáng kể. Song song với đó, diễn biến phức tạp của đại dịch đã và đang góp phần khiến mỗi con người đều mong muốn được trở về gần hơn với tổ ấm. Thời gian ở nhà tăng lên

khiến ngôi nhà và nội thất trong nhà giữ vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống hiện đại. Trích dẫn tạp chí FCW 2020:

“Đại dịch covid khiến các nhà máy sản xuất phải đóng cửa, các nhà bán lẻ đóng cửa và khách hàng ngừng chi tiêu. Trong khi đó, hoạt động xây dựng mới và tu sửa, sửa chữa được chỉ định là cần thiết. Đây là điểm sáng duy nhất của ngành ván sàn. Tuy nhiên, ảnh hưởng chung của việc ngừng hoạt động là nhu cầu giảm hai con số vào tháng 4 và tháng 5 ”

“Ít nơi tiêu tiền, tỷ lệ tiết kiệm tăng vọt. Chi tiêu để xây dựng những ngôi nhà mới dành cho một gia đình và xây dựng cải tạo cho chủ nhà vẫn tăng mạnh vì đây là những hoạt động thiết yếu. Những xu hướng tích cực này sẽ được theo sau bởi sự gia tăng doanh số bán nhà hiện có và các dự án tu sửa và thay thế bổ sung khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh. ”

“Đồng thời, các hộ gia đình có thể có động lực để nâng cấp nhà ở của mình khi họ lấy lại sự tự tin sau nhiều tháng nhìn sàn và đồ đạc đã cũ và nay đã cũ hơn nhiều. Người tiêu dùng sẽ tìm cách tạo không gian làm việc tại nhà, sửa sang lại nhà bếp và mở rộng các khu vực giải trí tại nhà vì lo ngại về virus corona sẽ khiến họ có nhiều thời gian hơn ở nhà ”- FCW 2020

Dựa trên các cơ sở:

- ✓ Xu hướng sử dụng sản phẩm sàn nhiều lớp công nghệ cao
- ✓ Chuỗi cung ứng của Mỹ đang bị gián đoạn và không thể đáp ứng được nhu cầu thị trường do: dịch bệnh Covid-19 và chiến tranh thương mại Mỹ-Trung khiến Mỹ áp thuế 25% với các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc
- ✓ Nhu cầu remodeling lại nhà của người Mỹ tăng đột biến do có nhiều thời gian rảnh rỗi ở nhà.

Đây là cơ hội tốt cho việc cung ứng SPC và các phụ kiện SPC cho Mỹ, nhanh chóng cạnh tranh với các nhà sản xuất quốc tế để dành thị phần.

Những người tiêu dùng trong độ tuổi từ 35 đến 54 đang là phân khúc khách hàng đóng góp doanh thu nhiều nhất. Bên cạnh đó, những người trẻ tuổi mới đi làm thường có xu hướng chi tiêu nhiều hơn vào việc xây dựng phong cách, lối sống thể hiện qua việc bài trí nội thất trong căn hộ. Dự báo số người dưới 35 tuổi quan tâm tới việc cải tạo, tân trang nhà cửa cũng như thay thế, sửa chữa nội thất sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những năm sau.

Sự tăng trưởng vượt bậc và được dự báo là vẫn còn tiếp tục phát triển mạnh mẽ của ngành hàng này, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, có thể được lý giải dựa vào những lý do sau:

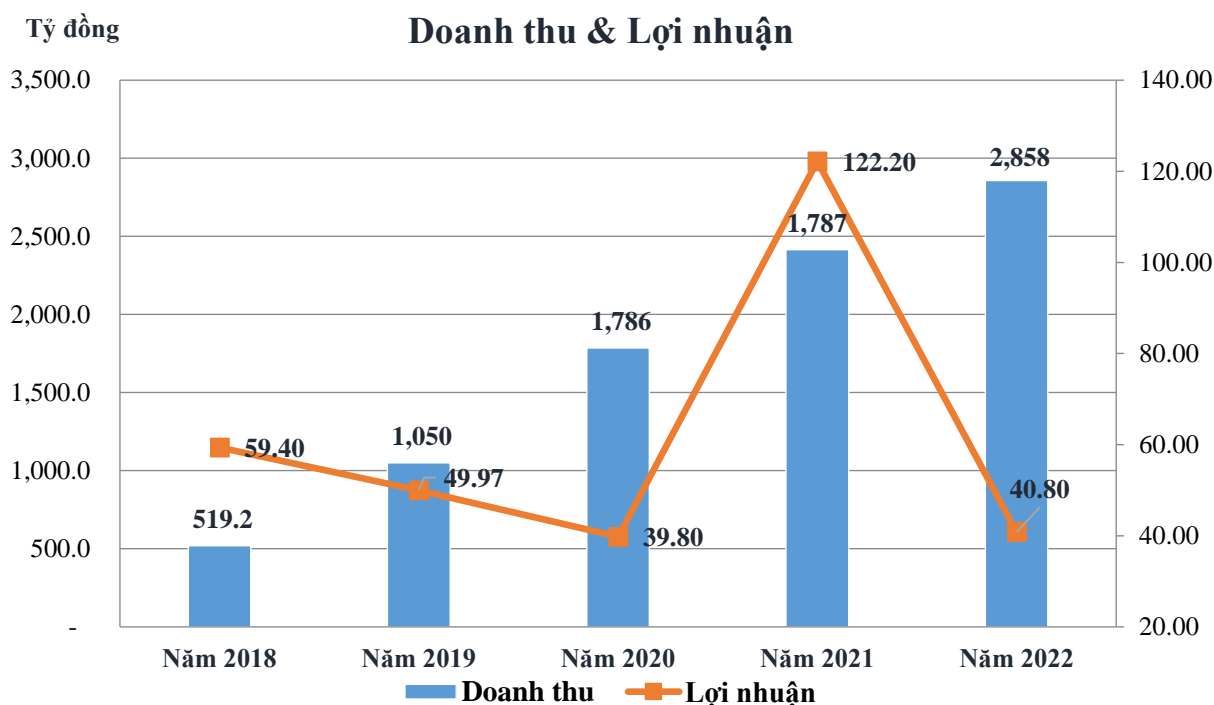
- ✓ Việc mua căn hộ cũ và tu sửa lại trước khi chuyển vào luôn được người tiêu dùng chú trọng, nhằm mục đích tạo cảm giác mới mẻ đồng thời loại bỏ những hỏng hóc và bất cập hiện có của ngôi nhà.
- ✓ Sự gia tăng của lãi suất mua nhà và giá trị bất động sản đã khiến người dân chi tiêu vào việc sửa sang nhà cửa hơn là chi số tiền lớn để mua nhà mới.
- ✓ Văn hóa tự làm (DIY) đang ngày càng phổ biến trên khắp thế giới với sự hỗ trợ của chuyên gia thông qua các video Youtube, các khóa học chuyên nghiệp và các bộ tool-kit dễ sử dụng sẵn có.

Thị trường tiêu thụ ván sàn – phụ kiện phào nẹp ván sàn của Việt Nam đang được đánh giá là có tiềm năng cực kỳ lớn. Nhu cầu ván sàn – phụ kiện phào nẹp ván sàn của thị trường trong nước rất cao.

Tốc độ tăng dân số CAGR của Việt Nam đạt 1.14% tới năm 2025, đi kèm với đó là tốc độ CAGR của mức tăng diện tích sàn nhà ở trong giai đoạn này đạt 1.61%. Diện tích sàn nhà tới năm 2025 dự kiến tăng từ 66 triệu m² tới 71.24 triệu m² mỗi năm. Trong đó, nhu cầu về ván sàn nói riêng tăng từ 27 đến hơn 29 triệu m². Với tỷ lệ phụ kiện phào nẹp ván sàn bằng khoảng 60% diện tích ván sàn thì dự kiến nhu cầu của phụ kiện phào nẹp ván sàn cũng sẽ tăng từ 16.2 đến 17.4 triệu m². Ngành xây dựng tăng trưởng mạnh trong năm 2022 với mức tăng trưởng tăng trưởng khoảng 8% và còn tiếp tục tăng trong tương lai. Đây sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp ván sàn nói chung và cung cấp sản phẩm gỗ công nghiệp nói riêng tìm kiếm cơ hội kinh doanh, mở rộng thị trường và phát triển hơn nữa.

PHẦN III
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2022

ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2022 là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Tình hình xung đột địa chính trị đã đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao, giá xăng dầu diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới việc xuất nhập khẩu nguyên liệu và sản phẩm, chính sách thắt chặt tiền tệ cùng tình hình lạm phát cũng như lãi suất tăng vọt trong các tháng cuối năm đã tạo ra một môi trường kinh doanh đầy biến động. Đứng trước những khó khăn từ thị trường, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV luôn đồng lòng, nỗ lực duy trì ổn định hoạt động kinh doanh: doanh thu thuần năm 2022 đạt 2,857 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 40.8 tỷ đồng, giảm 67% so với năm 2021, nguyên nhân do năm 2021 công ty có khoản lợi nhuận đột biến từ hợp nhất công ty con là CTCP Hoàng Gia Pha Lê.

Dvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	Tỷ trọng		Thay đổi (%)
			2021	2022	
Tổng doanh thu	2,498,347	2,944,363			18%
Doanh thu thuần về bán hàng	2,412,715	2,857,491	96.57%	97.05%	18%
Doanh thu tài chính	84,724	75,619	3.39%	2.57%	-11%
Thu nhập khác	908	11,253	0.04%	0.38%	1,139%
Tổng chi phí	2,379,959	2,898,373			22%
Giá vốn hàng bán	2,157,705	2,462,988	90.66%	84.98%	14%

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Chỉ tiêu	2021	2022	Tỷ trọng		Thay đổi (%)
			2021	2022	
Chi phí tài chính	87,609	172,364	3.68%	5.95%	97%
Chi phí BH, QLDN	132,158	259,418	5.55%	8.95%	96%
Chi phí khác	2,487	3,603	0.10%	0.12%	45%
Lợi nhuận gộp	255,010	394,502			55%
Lợi nhuận trước thuế	124,403	45,473			-63%
Thuế TNDN	2,229	4,680			110%
Lợi nhuận sau thuế	122,174	40,792			-67%

Hoạt động kinh doanh năm 2022 ảnh hưởng bởi các yếu tố chính:

- (i) Xung đột Nga - Ukraina bùng phát từ tháng 2-2022 và kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng, giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới tăng cao. Giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao làm giảm hiệu quả biên lợi nhuận sản xuất kinh doanh của công ty.
- (ii) Hoạt động kinh tế toàn cầu trải qua một cuộc suy thoái trên diện rộng, lạm phát gia tăng, chính sách tiền tệ thắt chặt tại hầu hết các nền kinh tế, thương mại hàng hóa suy giảm đáng kể. Là một doanh nghiệp toàn cầu, sản lượng xuất khẩu của PLP luôn đạt tỷ trọng cao trên 70% khiến do triển vọng tăng trưởng sản xuất kinh doanh của công ty không đạt như kỳ vọng.

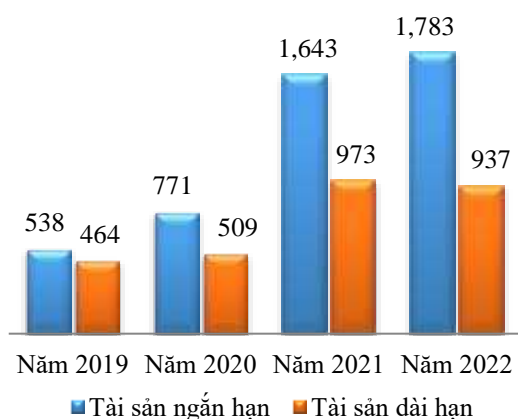
Theo đặc điểm của các ngành sản xuất vật liệu trung gian thông thường, biên lợi nhuận có xu hướng giảm dần do sự tham gia của các nhà đầu tư mới cũng như việc tăng năng suất của đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, nhờ quá trình phát triển sản phẩm mới là sản phẩm công nghệ Hoàng Gia Pha Lê (SPC) tại liên doanh CTCP Hoàng Gia Pha Lê, hiệu quả hoạt động sản xuất chung của công ty vẫn được đảm bảo, biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức 20.6% doanh thu. Năm 2022 với những biến động của giá nguyên vật liệu khiến biên lợi nhuận gộp của mảng thương mại suy giảm.

Dvt: Triệu đồng

	2020	2021	2022
Doanh thu	1,787,468	2,412,715	2,858,148
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>884,375</i>	<i>1,427,624</i>	<i>1,885,692</i>

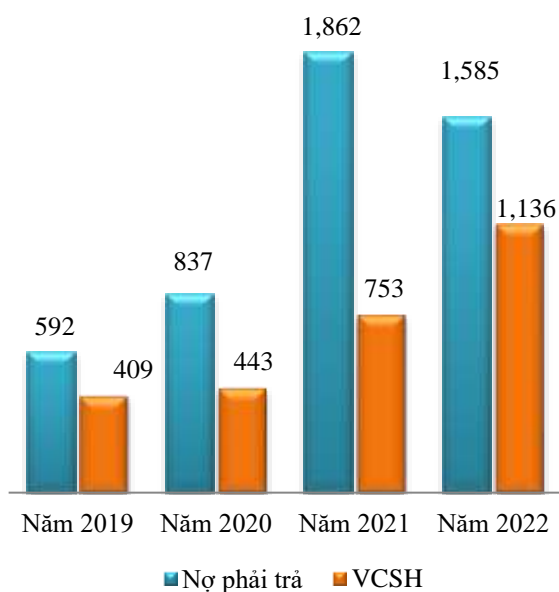
	2020	2021	2022
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	903,093	985,091	908,995
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	-	-	63,460
Giá vốn	1,628,631	2,157,705	2,462,989
<i>Thành phẩm</i>	738,320	1,189,142	1,497,509
<i>Hàng hóa</i>	890,311	968,563	903,189
<i>Dịch vụ đã cung cấp</i>	-	-	62,290
Tỷ suất LN gộp	8.9%	10.6%	13.8%
<i>Thành phẩm</i>	16.5%	16.7%	20.6%
<i>Hàng hóa</i>	1.4%	1.7%	0.6%
<i>Dịch vụ đã cung cấp</i>	-	-	1.8%

Cơ cấu tổng tài sản



Tổng tài sản của Công ty năm 2022 tiếp tục tăng trưởng nhờ việc hợp nhất với công ty con là CTCP Khoáng sản Minh Cẩm. Với việc đầu tư sở hữu đến 75% cổ phần tại công ty Minh Cẩm, tổng tài sản của Công ty tăng thêm 104 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn



Trong năm 2022, PLP đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng. Cùng với việc hợp nhất 2 công ty con, vốn chủ sở hữu của công ty tăng gần 400 tỷ đồng so với năm 2021.

Nợ phải trả giảm 213 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Do đáo hạn khoản trái phiếu 100 tỷ đồng và thanh toán một số khoản vay ngân hàng dài hạn.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 2022

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thúc đẩy việc triển khai, vận hành 3 dự án được góp vốn liên doanh từ năm 2021 đồng thời mở rộng đầu tư Mở nước khoáng tại Quang Hanh:

❖ Nhà máy sản xuất sàn đá công nghệ SPC – Nhơn Trạch Đồng Nai

- ✓ Góp vốn liên doanh tại Công ty CP Hoàng Gia Pha Lê .
- Nhà máy sản xuất sàn đá công nghệ SPC với công suất 12 triệu m²/ năm với tổng mức đầu tư dự án là 350 tỷ đồng. Sản phẩm sàn đá công nghệ SPC có đặc tính ưu việt như chống cháy, chống mài mòn, trầy xước, chống trơn trượt, chịu nước, và độ ẩm 100%, do được cấu thành từ Poly Vinyl Clorua (PVC) nguyên sinh và bột đá nano siêu mịn, đồng thời sử dụng công nghệ khoá hèm vượt trội của Bỉ (Unilin Uniclic), giúp việc lắp đặt được dễ dàng, thuận tiện.
- ✓ Hiện nhà máy đã đi vào vận hành ổn định được 02 năm.

❖ Dự án Khu nhà ở thương mại Cao Xanh Hà Khánh A

- ✓ Góp vốn liên doanh tại Công ty CP Thương mại và Du lịch Tân Việt An.
- ✓ Liên doanh đã được Cấp phê duyệt TMB tỷ lệ 1/500 điều chỉnh nâng quy mô công trình. Dự án có quy mô tổng mức đầu tư gần 1,000 tỷ đồng, có vị trí đắc địa tại khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, gần cầu Cửa Lục 2 chuẩn bị xây dựng nối 2 bên bờ vịnh Cửa Lục. Dự án bao thực hiện trên lô đất rộng 3,500 m², bao gồm 1 tòa chung với tổng diện tích sàn xây dựng 50,000 m².
- ✓ Trong năm 2022, do tình hình kinh tế, thị trường và chính sách chưa thuận lợi nên việc triển khai dự án chưa đạt kỳ vọng. Dự kiến trong Quý 2-3/ 2023 dự án sẽ khởi công.

❖ Mở đá Lèn Minh Cầm – Tuyên Hóa Quảng Bình

- ✓ Góp vốn liên doanh tại Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Cầm
- ✓ Công ty CP KS Minh Cầm đã hoàn tất thủ tục xin cấp giấy phép khai thác với tổng diện tích khai thác và khai trường là 4 hecta , Trữ lượng địa chất là 1,348,068 m³, thời hạn khai thác đến tháng 6/ 2043.
- ✓ Trong năm 2022 dự án đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý để có thể chính thức đi vào hoạt động.

❖ Mở nước khoáng Quang Hanh – Quảng Ninh

- ✓ Mở nước khoáng với diện tích gần 1.200 m² tọa lạc tại Phường Quang Hanh, TP. Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, với trữ lượng khai thác tới 1.100m³/ ngày và độ sâu 160m.
- ✓ Đây là mỏ nước khoáng duy nhất tại Việt Nam kết hợp được 3 đặc tính: hàm lượng khoáng hóa cao, chứa lượng muối khoáng cần thiết cho cơ thể và lượng Bromin hòa tan trong nước có lợi cho phục hồi sức khỏe, chữa bệnh.
- ✓ Hiện dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0.95	1.18
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.61	0.81
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Nợ/Tổng tài sản	%	71%	58%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	247%	140%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	lần	5.25	4.41
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	1.24	1.05
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.06%	1.43%
Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	16.21%	3.59%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4.67%	1.50%
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	5.22%	1.32%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/ cổ phiếu)		2,871	551

Nguồn: tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2022

Trong năm 2022, các chỉ tiêu tài chính về khả năng thanh toán, cơ cấu nợ trên tài sản và trên vốn chủ của công ty đều có những cải thiện so với năm 2021, đây là chính sách thích ứng hợp lý của công ty trong giai đoạn nền kinh tế, tài chính còn nhiều bất ổn. Do lợi nhuận kinh doanh giảm dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2022 cũng thấp hơn cùng kỳ năm 2021.

Tình hình công nợ phải thu*Đơn vị: đồng*

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022
Phải thu ngắn hạn	839,605,909,442	1,100,577,556,630
Phải thu khách hàng	764,549,041,528	845,075,043,996
Trả trước cho người bán	28,450,091,572	9,089,518,182
Phải thu về cho vay		
Phải thu khác	48,337,776,082	248,912,589,110
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,730,999,740)	(2,499,594,658)
Phải thu dài hạn	2,528,780,532	4,413,618,641
Phải thu khác	2,528,780,532	4,413,618,641
Tổng cộng	842,134,689,974	1,104,991,175,271

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Với đặc thù chu kỳ vòng tiền mất từ 6-8 tháng, khi doanh thu tăng trưởng, vốn lưu động đặc biệt là khoản phải thu và tồn kho cũng tăng. Do thực hiện chính sách tài trợ thương mại cho khách hàng, công ty phải tự bỏ tiền ra để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đảm bảo giao hàng đúng hạn giúp tăng cường uy tín, khả năng cạnh tranh. Ngoài ra, khoản phải thu khác tăng do trong năm công ty thực hiện đầu tư mua mỏ nước khoáng tại Quang Hanh, Quảng Ninh. Do vậy, giá trị các khoản phải thu của Nhựa Pha Lê năm 2022 tăng 131% so với năm 2021.

Tình hình công nợ phải trả*Đơn vị: VNĐ*

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022
Tổng nợ ngắn hạn	1,723,180,932,288	1,509,822,828,580
Phải trả người bán	387,071,398,554	340,275,591,630
Người mua trả tiền trước	15,147,417,175	10,752,565,229
Thuế và các khoản phải nộp NN	4,890,112,839	6,872,206,791
Phải trả người lao động	5,774,691,095	5,895,776,560
Chi phí phải trả	22,624,612,996	4,969,166,473
Phải trả phải nộp khác	55,945,072,570	11,669,941,279
Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	1,222,794,371,789	1,122,444,466,431
Dự phòng phải trả		
Quỹ khen thưởng phúc lợi	8,933,255,270	6,943,114,188
Tổng nợ dài hạn	139,470,568,530	74,880,469,024
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	139,289,699,779	74,296,350,858
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	180,868,751	584,118,166
Tổng cộng	1,862,651,500,818	1,584,730,605,504

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Nợ phải trả giảm 15% so với cùng kỳ năm 2021. Năm 2022 được dự báo với tình hình kinh tế, tài chính nhiều biến động, do vậy công ty nhận định chính sách giảm nợ vay là cần thiết trong giai đoạn này.

PHẦN IV
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**I./ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị**

✚ Để đảm bảo cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê theo quy định của pháp luật, HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2017-2022 đã trình ĐHĐCĐ qua việc bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 20/06/2022 đã thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027, danh sách thành viên trúng cử như sau:

STT	Họ và tên	Ghi chú
1	Mai Thanh Phương	Thành viên HĐQT điều hành
2	Trần Hải Yến	
3	Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập

✚ HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ công việc theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, giám sát Ban TGD thực hiện tốt và kịp thời những yêu cầu của cổ đông như tổ chức, phân công HĐQT, tổ chức họp định kỳ các cuộc họp HĐQT, tương tác thường xuyên với Ban kiểm soát, tiếp xúc và thông tin định kỳ với Nhà đầu tư.

✚ Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức 13 buổi họp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

✚ HĐQT tiếp nhận các ý kiến đề xuất của BTGD, chất vấn để làm rõ và đáp ứng kịp thời những nhu cầu về nguồn nhân lực, sự thay đổi chính sách kinh doanh, nhu cầu đầu tư mở rộng, chính sách với người lao động nhằm tạo động lực phát triển tốt nhất cho Công ty.

✚ HĐQT Công ty hiện có 01 thành viên độc lập là ông Lê Thạc Tuấn. Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các phiên họp và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của Công ty; chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, các định hướng phát triển trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và

đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp. Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT độc lập có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý, quản trị, đã đóng góp vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị của Công ty.

II./ Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- Năm 2022 là năm mà hoạt động kinh tế toàn cầu đang trải qua một cuộc suy thoái trên diện rộng và mạnh hơn dự kiến. Lạm phát toàn cầu cao chưa từng thấy trong vài thập kỷ qua, tăng từ 4.7% vào năm 2021 lên 8.8% vào năm 2022, dự kiến giảm xuống 6.5% vào năm 2023 và 4.1% vào năm 2024. Lợi nhuận từ kinh doanh dầu mỏ và khí đốt tăng vọt song chi phí năng lượng tăng cao là lực cản lớn đối với tăng trưởng thu nhập và sản xuất. Chi phí vốn tăng lên gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư. Lạm phát làm giảm sức tiêu dùng của người dân, sức mua của người dân toàn cầu giảm dẫn đến sản xuất thế giới thu hẹp do không có đơn hàng. Điểm mới của kinh tế thế giới năm 2022 là các nền kinh tế phát triển đang phải chịu đựng mức lạm phát rất cao, từ đó, lan sang các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển; Mỹ, Liên minh châu Âu (EU) và Trung Quốc đều chứng kiến mức tăng trưởng giảm nhiều nhất thế giới, ngược với các nền kinh tế tại châu Á - Thái Bình Dương và Trung Đông (như Ấn Độ và Saudi Arabia)....
- Trong bối cảnh kinh tế thế giới u ám, Việt Nam – quốc gia với nền kinh tế có độ mở cao, phải đối diện với áp lực điều hành giá, lãi suất, tỷ giá trước xu hướng lạm phát toàn cầu tăng cao và chính sách thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng trung ương Mỹ và châu Âu (hai thị trường xuất khẩu chính chiếm 41% thị phần xuất khẩu của Việt Nam). Tuy nhiên, dù không tránh khỏi những tác động bất lợi của kinh tế toàn cầu nhưng kinh tế Việt Nam 2022 vẫn có dấu hiệu phục hồi, về cơ bản đã vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 và đang lấy lại đà tăng trưởng. Năm 2022, Nikkei Asia đánh giá Việt Nam dẫn đầu khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 8 thế giới về đà phục hồi sau đại dịch Covid-19. Tháng 9/2022, Moody's đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ mức Ba3 lên mức Ba2, triển vọng ổn định. Fitch cũng xếp Việt Nam ở hạng BB và triển vọng tích cực. Việt Nam được kỳ vọng trở thành thị trường tiêu dùng toàn cầu lớn thứ 10 thế giới vào năm 2030, vượt qua cả Đức và Anh...
- Trên thực tế, theo Tổng cục Thống kê, năm 2022, kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ và là năm đầu tiên trong giai đoạn 3 năm dịch Covid-19, Việt Nam đạt và vượt 13/15

chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đặt ra, với tăng trưởng GDP 8.02%; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.36%, chiếm tỷ trọng 11.88% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7.78%, chiếm 38.26% GDP; khu vực dịch vụ tăng 9.99%, chiếm 41.33%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8.53%. GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 95.6 triệu đồng/người, tương đương 4,110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành đạt 188.1 triệu đồng/lao động (tương đương 8,083 USD/lao động, tăng 622 USD so với năm 2021). Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2022 tăng 4.8% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2022 đạt 26.2%, cao hơn 0.1 điểm phần trăm so với năm 2021).

- Năm bắt được những khó khăn và thuận lợi trên, HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã chủ động nhận định, phân tích đúng tình hình, kịp thời đề ra các mục tiêu, linh hoạt đề ra các định hướng phù hợp với tình hình thực tế để vừa tối ưu hóa nguồn lực của mình, vừa tận dụng kịp thời và tối đa các cơ hội kinh doanh mới được tạo ra do những thay đổi cả khách quan và chủ quan của môi trường kinh doanh.
- Trong năm 2022, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và đem lại hiệu quả cho Công ty. Các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, giám sát chiến lược, quản trị rủi ro, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi mang tính chuyên nghiệp. Về phương diện cá nhân, các thành viên HĐQT đều đã chủ động và tích cực thực thi trách nhiệm của mình một cách chuyên nghiệp, có đóng góp thiết thực và hiệu quả vào thành tích chung của doanh nghiệp.
- Nhìn chung, hoạt động sản xuất Filler của Công ty vẫn tiếp tục có sự tăng trưởng nhưng hiệu quả mang lại không thực sự cao và không đạt được đúng như kỳ vọng. Một phần lý do bởi sự biến động mạnh của giá nguyên vật liệu đầu vào (hạt nhựa nguyên sinh, phụ gia, ...) và sự thắt chặt chính sách tiền tệ khiến cho việc kinh doanh của công ty gặp khó khăn. Mặc dù doanh thu được ghi nhận tăng trưởng so với năm 2021 nhưng lợi nhuận lại có chiều hướng đi xuống.

2. Đánh giá công tác đầu tư và tình hình thực hiện các dự án đầu tư

- Các dự án đã được đầu tư trong giai đoạn những năm trước đã bước đầu đi vào hoạt động, cụ thể:

✚ Hoàn thiện pháp lý các dự án bất động sản

- Trong đầu năm 2022, sự sụp đổ của thị trường chứng khoán cùng với việc nhiều ông lớn của giới bất động sản “ngã ngựa” khiến cho thị trường bất động sản gần như đóng băng. Các ngân hàng liên tục rà soát lại các khoản tín dụng cấp cho các dự án, đồng thời tình hình chính trị có nhiều biến động cũng khiến cho các thủ tục pháp lý gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong “nguy” luôn có “cơ”, khi những ông lớn ngã xuống cũng là lúc miếng bánh thị trường mở ra với những “lính mới” như Nhựa Pha Lê.
- Bắt đầu từ Quý IV/2022, thị trường bất động sản tại Quảng Ninh lại tiếp tục có những diễn tiến mạnh và hấp dẫn các nhà đầu tư khi biên độ sinh lời đang không ngừng tăng lên. Với phương châm "giao thông đi trước một bước", đầu tháng 9, tuyến cuối cùng của cao tốc xuyên tỉnh Quảng Ninh là cao tốc Vân Đồn - Móng Cái đã chính thức đi vào khai thác, đưa Quảng Ninh trở thành tỉnh có tuyến cao tốc lớn nhất cả nước với 176km. Đây sẽ là bàn đạp để tỉnh thu hút đầu tư xây dựng, phát triển, hoàn thiện các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh.
- Với tiềm năng phát triển của thị trường bất động sản Quảng Ninh, việc sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương Mại & Du lịch Tân Việt An đã mang lại tiềm năng lớn cho Nhựa Pha Lê. Trong năm 2022, dự án Khu chung cư (Nhà ở giá rẻ) tại ô đất TT1-KĐT Cao Xanh – Hà Khánh A, phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đang hoàn thiện các vấn đề pháp lý cơ bản để bước sang các giai đoạn tiếp theo của Dự Án, tận dụng thời cơ vàng để có thể tạo sự bứt phá, trở thành tên tuổi lớn trong ngành Bất động sản tại Việt Nam.

✚ Phát triển đầu tư mảng kinh doanh hàng tiêu dùng và dịch vụ, du lịch

- Theo nhận định của giới chuyên gia, thị trường dịch vụ, du lịch tại Quảng Ninh đang hưởng lợi nhờ lực đẩy từ các chính sách phát triển tại khu vực mới nổi như Vân Đồn, Uông Bí, Mạo Khê, Móng Cái và cả các khu vực truyền thống như Hạ Long, Bãi Cháy. Nhờ lợi thế về cơ sở hạ tầng, gần Vịnh Hạ Long mà Thành phố Hạ Long đã có những bước phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án du lịch, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe. Nguồn tài nguyên như nước khoáng thiên nhiên để tái tạo sức khỏe, chữa bệnh tại Quảng Ninh rất phong phú. Sức hút của ngành nước uống đóng chai cũng không phải bàn cãi. Đây là lĩnh vực được xem như “biến nước thành tiền”, với khả năng tạo ra lợi nhuận cao, dòng tiền đều đặn và khả năng tăng trưởng tươi sáng. Các báo cáo

thị trường gần đây đều cho thấy, các chỉ số ROE và tiềm năng tăng trưởng đạt mức cao hơn 20% mỗi năm. Tiềm năng này càng có giá trị khi đặt trong thị trường có quy mô hơn 54.000 tỷ đồng, theo một báo cáo của Euromonitor.

- Trước cơ hội mới với ngành nước uống đóng chai, suối khoáng nghỉ dưỡng, Nhựa Pha Lê đã bước đầu nghiên cứu, tìm hiểu dự án sản xuất nước khoáng đóng chai và phát triển suối khoáng tại phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Với trữ lượng nước khoáng trong báo cáo cấp B lên tới 108m³/ngày; tài nguyên cấp C1 lên tới 1,058m³/ngày; tính chất nguồn nước khoáng thiên nhiên khoáng hoá cao, brom, tổng chất rắn hoà tan TDS trung bình 5,773mg/l, hàm lượng brom trung bình 15.12mg/l; dự án phát triển hàng tiêu dùng nước uống đóng chai và suối khoáng nghỉ dưỡng của Nhựa Pha Lê hứa hẹn tiềm năng lớn trong tương lai, thu hút người tiêu dùng, đồng thời mở rộng quy mô thị trường cho công ty.

Đẩy mạnh đầu tư mảng kinh doanh cốt lõi: công nghệ vật liệu ứng dụng trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

- Là nước có tiềm năng khoáng sản đa dạng, nhưng với hiện trạng khai thác và chế biến khoáng sản, bao gồm cả các mỏ đá trắng trong thời gian qua, Việt Nam có thể rơi vào “Lời nguyền tài nguyên” hay “Cái bẫy tài nguyên” mà nhiều quốc gia giàu tài nguyên ở Châu Phi đã mắc phải. Đây là hiện tượng các nền kinh tế giàu tài nguyên thiên nhiên có xu hướng phát triển chậm hơn những nền kinh tế không có các tài nguyên thiên nhiên đáng kể. Để tránh rơi vào tình trạng này, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách kịp thời và hợp lý, tập trung chế biến sâu các sản phẩm thuộc về tài nguyên đồng thời siết chặt xuất khẩu khoáng sản thô, giúp tăng cao giá trị sản phẩm, tăng nguồn thu cho ngân sách, giảm thiểu thất thoát tài chính cũng như tài nguyên. Thực hiện theo định hướng phát triển chung của nền kinh tế, ngày 21/04/2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã phê chuẩn chiến lược phát triển dài hạn của Công ty là dần chuyển dịch từ sản phẩm khoáng sản và hạt nhựa sang các sản phẩm chế biến sâu, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nhằm đa dạng hóa ngành nghề nhưng vẫn gắn với giá trị cốt lõi là các sản phẩm từ mỏ đá.
- Với hai nhà máy sản xuất ván sàn SPC nằm ở Đồng Nai và Hải Phòng - tổng công suất lên đến 26 triệu m² sàn/ năm, trong năm 2022 vừa qua, Nhựa Pha Lê đã từng bước nắm

vững thị trường và triển khai các kế hoạch kinh doanh mạnh mẽ hơn nữa. Việc tham gia nhiều hội chợ và các chuyến gặp gỡ trực tiếp các đối tác trên khắp nước Mỹ đã mở ra nhiều mối quan hệ mật thiết với các khách hàng chiến lược và khách hàng SME. Năm bắt được tính cạnh tranh của ngành đang ngày một tăng cao với việc ra đời của hàng loạt nhà máy sản xuất SPC vừa và nhỏ, HĐQT Nhựa Pha Lê đã kịp thời chỉ đạo, đưa ra những đòn đánh chiến thuật, giúp Công ty vẫn duy trì được niềm tin của khách hàng cũ và không ngừng mở rộng thêm các khách hàng mới. Bên cạnh đó, việc tập trung vào công tác R&D đang mang lại những hiệu quả đáng kể khi đưa ra được các cải tiến giúp giảm giá thành sản xuất mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm. Con số doanh thu đem lại trong năm 2022 là 2,858 tỷ đồng.

- Ngoài ra, sau 2 năm đưa vào thị trường sản phẩm mới là hệ thống các phụ kiện SPC (Phào, nẹp), kết quả kinh doanh đã có những tín hiệu khởi sắc đáng kể. Ván sàn SPC là sản phẩm của công nghệ cao cấp, mang nhiều đặc tính ưu việt như: bền, chống nước, chống cháy, không cong vênh co ngót, đây cũng là xu hướng ván sàn mới trên toàn cầu. Là đơn tân công thứ hai song song với tám ván sàn SPC, công ty đã tận dụng những công nghệ tiên tiến cũng như kinh nghiệm nhiều năm trong việc nghiên cứu các sản phẩm Nhựa cũng như nguồn nguyên liệu đá từ chính những mỏ đá đang được khai thác tại Nghệ An để đưa vào thị trường các sản phẩm phụ kiện SPC (Phào, nẹp). Bộ đôi sản phẩm ván sàn SPC và phụ kiện SPC đang là công cụ hữu hiệu để Nhựa Pha Lê đi sâu hơn nữa vào quầy kệ của những cửa hàng vật liệu xây dựng đắt giá trên đất Mỹ. Đây vẫn sẽ được coi là mũi nhọn trong sản xuất của Nhựa Pha Lê trong năm 2023 khi mà các đối thủ cạnh tranh vẫn chưa xuất hiện nhiều trong lĩnh vực này. Tận dụng lợi thế nguồn nguyên vật liệu sẵn có cùng cơ hội bán hàng cực lớn, Công ty tin tưởng rằng hiệu quả kinh doanh của mặt hàng này sẽ được gia tăng nhiều hơn nữa trong giai đoạn sắp tới.

3. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành**

- ✚ **Đội ngũ BQH và các cán bộ quản lý đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án ứng phó với các tình huống xảy ra. Tình hình kinh tế tài chính nói chung gặp nhiều bất ổn và các chính sách vĩ mô bị thắt chặt, dẫn đến lợi nhuận năm 2022 của công ty giảm so với năm 2021, tuy nhiên BQH vẫn nỗ lực để duy trì được sự tăng trưởng về doanh số bán hàng cho công ty.**

- ✚ BDH đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Điều hành đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất.
- ✚ Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban Điều hành thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị công ty.
- ✚ Ngoài ra, HĐQT cũng đánh giá cao công tác điều hành của Ban Điều hành, hết sức tin tưởng vào năng lực quản lý và phẩm chất đạo đức của các thành viên BDH trong việc thực hiện định hướng chiến lược của công ty.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2023 của HĐQT

- ✚ HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Điều lệ, quy chế Quản trị của CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê;
- ✚ Thực hiện việc lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của BDH trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp ban BDH hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- ✚ Hợp tác chặt chẽ với BKS, đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS. Phối hợp với BKS trong việc giám sát việc chân chính, xử lý các sai phạm theo đề xuất của BKS.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

BKS đã tiến hành 04 buổi họp và thông qua nhiều nội dung quan trọng liên quan đến các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Nhìn chung, hoạt động chính của BKS trong năm 2022 bao gồm những nội dung chính sau:

- Xem xét Báo cáo tài chính năm 2021.
- Tham gia các buổi làm việc của Hội đồng quản trị về kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện.
- Xem xét các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành và Phòng Tài chính kế toán chuẩn bị; Kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy kế toán.
- Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; Đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc với hoạt động của BKS.
- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát cùng các nội dung khác.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BDH

- HĐQT và BDH đã thực hiện đầy đủ các nội dung được thông qua trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022.
- HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của BDH.
- BKS cho rằng BDH đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu của công ty năm 2022 có sự tăng trưởng so với năm 2021.
- Ban kiểm soát đồng ý với chính sách tài chính, đầu tư phát triển của Hội đồng quản trị, các quyết định điều hành, phương án hoạt động của Ban điều hành.
- Trong năm 2022, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty, cũng như không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với các bộ phận để triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên. Qua các cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát thông báo kết quả công

tác kiểm tra, giám sát với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Hội đồng Quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu. Hội đồng Quản trị Tổng công ty, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.
- BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT định kỳ và đột xuất, tham dự các cuộc họp giao ban, tổng kết năm của công ty, qua trao đổi các vấn đề phát sinh hàng ngày. Theo đó, BKS đã nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, BDH trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHCĐ phê duyệt.
- Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán được ĐHCĐ năm 2022 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.
- BDH đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch.

Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023

Năm 2023, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào các vấn đề sau:

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Điều hành.
- Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính của Công ty hàng quý, 06 tháng và năm theo đúng nhiệm vụ của BKS.
- Tư vấn cho HĐQT, BTGD ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS**✚ Thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	609,090,000
2	Ông Lê Thạc Tuấn	TV HĐQT độc lập	-
3	Bà Trần Hải Yến	TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	551,420,000
	Tổng cộng		1,160,510,000

✚ Thù lao của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng BKS	-
2	Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên BKS	-
3	Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên BKS	-
	Tổng cộng		-

HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh hợp đồng, giao dịch với Người nội bộ.

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan được kê khai chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Các rủi ro hoạt động

Sự cạnh tranh của các đối thủ trong nước

Thị trường trong nước ngày càng trở nên nhỏ bé với sự cạnh tranh của hàng loạt nhà cung cấp nhựa lớn trong thời gian qua, kết hợp với việc hạn chế sản xuất của các nhà sản xuất nhựa thành phẩm do hệ quả của hậu covid, đã khiến cho cuộc cạnh tranh giữa các nhà cung cấp hạt nhựa Filler masterbatch càng trở nên khốc liệt hơn, chủ yếu đến từ việc giảm giá, chính sách trả chậm, ... nhằm mục đích lấy được các đơn hàng từ số ít các nhà sản xuất. Sản lượng cũng như đối tác xuất khẩu đều có sự biến động mạnh qua từng tháng, các đối tác xuất khẩu cũng tranh thủ sự dồi dào về nguồn cung để có thể có những lựa chọn về chất lượng, về giá cả cũng như có những mặc cả để có lợi trong việc mua hàng, dẫn đến sự cạnh tranh càng trở nên gay gắt giữa các nhà cung cấp trong nước.

Giá nguyên vật liệu tăng cao trong năm 2022

Năm 2022, do ảnh hưởng lớn từ tình hình địa chính trị thế giới, chiến tranh Nga – Ukraine cùng với chính sách Zero Covid diễn ra tại Trung Quốc khiến nguồn cung nhựa nguyên sinh và các nguyên vật liệu khác trở nên khan hiếm, nhiều nhà sản xuất phải đóng cửa dừng hoạt động. Giá nguyên vật liệu tăng và duy trì ở mức cao trong năm 2022, đến khi thị trường Trung Quốc mở cửa trở lại, giá cả bắt đầu hạ nhiệt trong giai đoạn cuối năm.

Hạt nhựa nguyên sinh chiếm tỷ trọng thấp trong trọng lượng sản phẩm Filler Masterbatch, nhưng lại chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm. Giá nhựa nguyên sinh ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản phẩm. Dự báo cho năm 2023 xu hướng giá nhựa và các nguyên vật liệu khác sẽ ổn định hơn.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá là một trong những ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. Do nguyên liệu chiếm khoảng 60 – 70% tổng chi phí tại Nhựa Pha Lê nên chỉ cần biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào.

Duy trì sử dụng đòn bẩy tài chính

Năm 2022, trong tình hình kinh tế, tài chính nhiều biến động, công ty đã chủ động tiết giảm nợ vay khoảng 15% so với năm 2021 để thích ứng với thị trường. Tuy nhiên với đặc thù của ngành sản xuất, công ty vẫn cần duy trì nguồn vốn vay từ ngân hàng để

đảm bảo hoạt động sản xuất, tăng tính cạnh tranh cho kinh doanh sản phẩm hạt nhựa. Rủi ro về dòng tiền trả nợ và chi phí lãi vay của công ty là hiện hữu, đặc biệt trong giai đoạn lãi vay tăng cao như năm 2022, nhưng Nhựa Pha Lê luôn chủ động nắm bắt và kiểm soát rủi ro để đảm bảo mức an toàn tài chính cho hoạt động của công ty.

2. Công tác quản trị rủi ro

Bên cạnh mở rộng sản xuất, Ban lãnh đạo của Nhựa Pha Lê luôn chú trọng đến phát triển hệ thống quản trị rủi ro. Theo đó, hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được tổ chức theo 3 tuyến đối với nhiều loại rủi ro trọng yếu khác nhau trên cơ sở nguyên tắc là tất cả các rủi ro trọng yếu trong doanh nghiệp đều phải có quy trình quản trị rủi ro. Quy trình quản trị đối với mỗi loại rủi ro đều gồm có 5 bước cơ bản, bao gồm: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý rủi ro.



Quản trị rủi ro đến từ các yếu tố vĩ mô

Các yếu tố vĩ mô luôn được Công ty theo dõi sát diễn biến để có đối sách kịp thời và phù hợp:

- + Đối với biến động giá nguyên vật liệu: Nhằm mục đích tận dụng tránh rủi ro đến từ biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, công ty chủ trương thực hiện tăng cường tích trữ hàng tồn kho khi giá rẻ, và bán ra hàng tồn kho khi giá ở mức cao.
- + Đối với rủi ro tỷ giá: Tiếp tục sử dụng đồng tiền thanh toán đồng nhất (chủ yếu là USD) giữa việc bán hàng và mua nguyên liệu, từ đó tạo ra nguồn ngoại tệ vừa để sử dụng vừa để tích lũy.
- + Đối với áp lực cạnh tranh: Nhựa Pha Lê đã đưa ra một số định hướng phát triển như: Tập trung sản xuất những sản phẩm chất lượng cao và tạo ra sự chuyên biệt so với các doanh nghiệp khác; Phát huy tối đa ứng dụng nhựa công nghệ cao vào các sản phẩm hàng tiêu dùng tạo phân khúc thị trường khác biệt; Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông, quảng bá sản phẩm,...



Quản trị rủi ro hoạt động

- + Nhựa Pha Lê đã đề ra các chiến lược như: chuẩn hóa hệ thống kiểm tra kiểm soát và ban hành các chính sách chặt chẽ, thuê tư vấn chuyên nghiệp tái cấu trúc mô hình quản lý, quản trị rủi ro;
- + Tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa. Đối với những vị trí quan trọng, Công ty chú trọng tuyển chọn các vị trí quản lý và vận hành có kinh nghiệm lâu năm. Đối với những vị trí chưa có nhiều kinh nghiệm, Công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo thực hành tại thực tế đơn vị sản xuất trước khi chính thức giao việc. Bên cạnh đó, Công ty

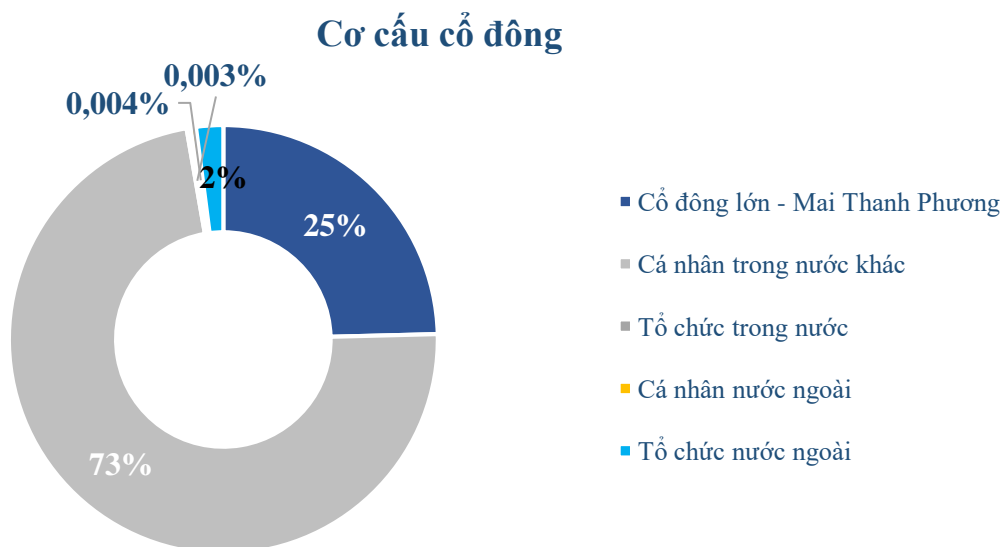
cũng chú trọng chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng.



Quản trị rủi ro tài chính

- + Năm 2022, Công ty tiếp tục áp dụng chính sách xếp hạng tín dụng đối với các khách hàng. Từ bảng xếp hạng, Công ty có cơ sở áp dụng hạn mức công nợ đối với từng khách hàng theo từng khu vực, cũng như có khả năng cảnh báo và kiểm soát trước các rủi ro thanh toán tiềm ẩn.
- + Năm 2022, Công ty tiếp tục duy trì tập trung vào quản trị rủi ro ở các cấp độ, ở dòng tiền để từ đó đưa ra những phương án, biện pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản trị. Nhờ đó, năm 2022 Nhựa Pha Lê không phát sinh thêm các rủi ro trọng yếu nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ ĐẦU TƯ



(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 23/05/2022)

❖ **Thông tin cổ phiếu:**

Tổng số cổ phần:	70,000,000 cổ phần
Số cổ phần phổ thông:	70,000,000 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	69,999,847 cổ phần
Cổ phiếu quỹ:	153 cổ phần
Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng:	10,680,786 cổ phần
Cổ phiếu chuyển nhượng tự do:	59,319,214 cổ phần

❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm

❖ **Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm:**

Trong tháng 8/2022, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 600 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng. Thông tin về đợt chào bán như sau:

- ✓ Hình thức phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ
- ✓ Số lượng cổ phiếu chào bán: 10,000,000 cổ phiếu
- ✓ Giá phát hành: 10,000/cổ phiếu
- ✓ Thời điểm hoàn thành: 25/8/2022
- ✓ Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

PHẦN V
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN BÁO CÁO

Trong những năm trở lại đây, Nhựa Pha Lê luôn đặt ra định hướng phát triển thương hiệu gắn liền với trách nhiệm môi trường, xã hội và kinh tế, vì đó là sự đảm bảo cho sự tăng trưởng vững chắc của doanh nghiệp. Tại Nhựa Pha Lê, “Phát triển bền vững” không còn là nhiệm vụ của một bộ phận, một đơn vị, một cá nhân lãnh đạo, mà đó là chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Chiến lược “Phát triển bền vững” của Nhựa Pha Lê là cân bằng sự phát triển kinh tế với xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển dài hạn của công ty.

PHẠM VI BÁO CÁO

- ✓ Báo cáo phát triển bền vững 2022 là một tài liệu tích hợp, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.
- ✓ Báo cáo được lập định kỳ hàng năm theo niên độ kế toán, kết thúc 31/12/2022, Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của Nhựa Pha Lê.
- ✓ Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2022, đề cập đến định hướng và mục tiêu của Nhựa Pha Lê trong những năm tới về vấn đề phát triển bền vững.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Cam kết phát triển bền vững

❖ Cầu nối các bên liên quan

Mỗi quyết định của các bên liên quan đều có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong dài hạn. Việc xây dựng niềm tin và gắn kết các bên liên quan được Công ty xác định đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chiến lược phát triển của Nhựa Pha Lê, đặc biệt là trong giai đoạn tái cấu trúc. Thông qua nhiều phương thức tiếp cận khác nhau, HĐQT và BLĐ Công ty đã chủ động trao đổi với các bên nhằm tìm ra các giải pháp hiệu quả, đáp ứng mối quan tâm của các bên theo định hướng bền vững, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến quản trị, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm với xã hội.

❖ Định hướng hoạt động

✚ Môi trường:

Là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh với hệ thống nhà máy: Nhà máy sản xuất tại Hải Phòng, Nhà máy sản xuất chi nhánh tại Nghệ An, Văn phòng Tổng Công ty (VPDD) tại Hà Nội và các công ty con, công ty đã tập trung phát huy mọi khả năng sẵn có về người và trang thiết bị, tăng cường nguồn vốn cho các dự án quan trọng để duy trì và mở rộng sản xuất; áp dụng công nghệ tiên tiến nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh. Nhờ đó, Nhựa Pha lê luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, phát triển sản xuất bền vững, hài hòa thân thiện với môi trường, với cộng đồng, đời sống người lao động không ngừng nâng cao.

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha lê luôn quan tâm tới công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, công tác an toàn vệ sinh lao động và môi trường làm việc đảm bảo môi trường xanh – sạch – đẹp. Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha lê đã đầu tư rất nhiều cho công tác bảo vệ môi trường, công tác an toàn bảo hộ lao động, các vật tư trang thiết bị cho công tác sản xuất, làm việc... Công ty đã trồng rất nhiều cây xanh khu vực trong, xung quanh và trước Nhà máy góp phần giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái tại các địa bàn có các đơn vị của công ty hoạt động.

✚ Xã hội:

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là sự cam kết của doanh nghiệp đóng góp vào việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua những hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đời sống cho người lao động, cộng đồng và toàn xã hội, theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như cho sự phát triển chung của xã hội.

Công ty chú trọng đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ mới, tạo nhiều công ăn việc làm, đóng góp cho sự phát triển xã hội. Với sứ mệnh tạo ra một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm phục vụ cho sự phát triển và hội nhập của công ty, trong suốt quá trình phát triển, Nhựa Pha Lê đặc biệt quan tâm, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực. Hàng năm, đơn vị liên tục tổ chức, tạo điều kiện cho CBCNV theo học các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn như: quản lý doanh nghiệp, quản lý kho, kiến thức kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,... Chủ động tiếp nhận công nghệ sản xuất mới, vận hành các thiết bị sản xuất hiện đại.

✚ Cộng đồng:

Trong nhiều năm qua, Nhựa Pha Lê luôn chú trọng việc duy trì công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người dân tại địa bàn và các tỉnh lân cận, đóng góp cho công tác an sinh xã hội tại địa phương. Công ty xây dựng cộng đồng văn hóa doanh nghiệp luôn chủ động, học hỏi không ngừng, nhiệt huyết và quyết liệt trong công việc. Với Nhựa Pha Lê, sự thành công trong kinh doanh không chỉ là nhờ vào các sản phẩm của công ty, mà còn nhờ vào sự đóng góp của những con người trong công ty – đó là tài sản quan trọng nhất đối với công ty. Ngoài ra công ty đã tổ chức và tài trợ các chương trình hoạt động cộng đồng, xã hội, san sẻ khó khăn với đồng bào địa phương và xã hội.

❖ Lựa chọn các vấn đề trọng yếu

Kinh tế:	<ul style="list-style-type: none">• Hiệu quả hoạt động kinh tế, chính sách thuế đối với nhà nước• Tác động kinh tế gián tiếp• Lợi ích cho cổ đông
Môi trường:	<ul style="list-style-type: none">• Nguyên vật liệu, phụ gia• Năng lượng• Nguồn Nước, phát thải
Xã hội	<ul style="list-style-type: none">• Phát triển cộng đồng địa phương• Chống cạnh tranh không lành mạnh• Quyền con người
Lao động và việc làm	<ul style="list-style-type: none">• Tạo việc làm, đảm bảo quyền của người lao động địa phương• An toàn và sức khỏe nghề nghiệp• Đào tạo• Đa dạng và cơ hội bình đẳng
Trách nhiệm sản phẩm	<ul style="list-style-type: none">• Thông tin sản phẩm minh bạch• An toàn và sức khỏe của khách hàng• Truyền thông và tiếp thị có trách nhiệm• Cơ chế giải quyết khiếu nại

❖ **Hài hòa nhu cầu và lợi ích - Gắn kết các bên liên quan**

Nhận diện bên liên quan	Kênh tương tác	Những vấn đề liên quan	Nỗ lực đáp ứng kỳ vọng các bên liên quan của Nhựa Pha Lê
Cơ quan nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> • Cập nhật , áp dụng chính sách, quy định mới của Nhà nước • Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác PCCC, BVMT, ANVSLĐ • Tham gia các hội nghị , hội thảo do cơ quan nhà nước tổ chức • Tương tác hiệu quả với cơ quan nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> • Đóng góp cho ngân sách nhà nước • Ủng hộ các chính sách và kêu gọi của các cơ quan nhà nước • Kinh doanh có trách nhiệm, bảo đảm lợi ích người tiêu dùng, giữ vững uy tín và giá trị thương hiệu 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các quy định của nhà nước trong quá trình hoạt động • Thực thi hiệu quả các chính sách tiết kiệm tài nguyên, nguyên vật liệu • Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế cho ngân sách nhà nước
Cổ đông, nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> • ĐHĐCĐ thường niên • Gặp gỡ và tham vấn trực tiếp • Kênh quan hệ nhà đầu tư : website, email, điện thoại, mạng xã hội, diễn đàn • Roadshow trong ngoài nước, gặp gỡ nhà đầu tư, chuyên gia phân tích 	<ul style="list-style-type: none"> • Năng lực quản trị, điều hành của BLĐ • Chiến lược phát triển trung và dài hạn • Tính tuân thủ và tính minh bạch trong CBTT • Giá trị nội tại của công ty, giá thị trường cổ phiếu • Bảo vệ quyền lợi, sự công bằng của cổ đông • Kết quả kinh doanh ổn định, 	<ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các quy định về CBTT • Chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác với cổ đông, nhà đầu tư chiến lược • Linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận, mang đến lợi ích cho cổ đông

CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

		tăng trưởng	
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, email với khách hàng Các hội thảo, hội chợ ngành nhựa Các hội thảo, hội nghị tư vấn về kiến trúc, vật liệu xây dựng Website, mạng xã hội, diễn đàn,, Nghiên cứu khảo sát thị trường 	<ul style="list-style-type: none"> Thương hiệu và uy tín Chất lượng sản phẩm Đội ngũ nhân sự Giá thành sản phẩm Tiến độ giao hàng 	<ul style="list-style-type: none"> 100% sản phẩm xuất bán tới tay khách hàng được kiểm soát về chất lượng Đạt chứng chỉ TBI 2021 - Chứng nhận “Nhà cung cấp chất lượng – Trusted Quality Supplier 2021” Đầu tư máy móc thiết bị công nghệ Châu Âu và các quốc gia phát triển trong khu vực Hoàn thành cam kết với khách hàng với chất lượng cao nhất
Đối tác, nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp Hội nghị, hội thảo dành cho các nhà cung cấp dịch vụ Truyền thông ra bên ngoài thông qua website, email, điện thoại 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá tín dụng doanh nghiệp Thông qua các báo cáo tín dụng định kì Gặp gỡ trao đổi trực tiếp thông qua diễn đàn, hội nghị Công bố thông tin công khai Khảo sát, đánh giá nhằm đánh giá cơ hội hợp tác 	<ul style="list-style-type: none"> Tạo được các mối quan hệ gắn kết, hợp tác bền vững Hợp mặt với đối tác để cùng nghiên cứu, đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ Thanh toán đúng như cam kết với nhà cung cấp
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát thường niên về môi trường làm việc, chính sách lương, thưởng, phúc lợi 	<ul style="list-style-type: none"> Sự ổn định trong công việc, môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng, không phân 	<ul style="list-style-type: none"> Chế độ đãi ngộ và lộ trình phát triển xứng đáng và công bằng Đào tạo đội ngũ kế thừa

	<ul style="list-style-type: none"> • Đại hội CBCNV hàng năm • Các cuộc họp tổng kết • Các chương trình đào tạo • Truyền thông nội bộ • Cơ chế trao đổi trực tiếp, giải quyết khiếu nại, tham vấn hai chiều 	<ul style="list-style-type: none"> • biệt đối xử, đảm bảo an toàn lao động • Chính sách phúc lợi, lương thưởng, chế độ làm việc tốt • Thành tựu, đóng góp, ghi nhận • Chương trình đào tạo phù hợp để nâng cao tay nghề, kiến thức • Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, đào tạo đội ngũ kế thừa 	<ul style="list-style-type: none"> • Chính sách lương thưởng, phúc lợi cao hơn mặt bằng chung thị trường • Tổ chức hội thao, phong trào rèn luyện sức khỏe cho CBNV • Các chương trình truyền thông nội bộ được 100% CBCNV hưởng ứng nhiệt liệt
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> • Các chương trình thiện nguyện tại địa phương • Trao đổi song phương qua các sự kiện • Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện các chương trình cộng đồng • Các chương trình liên kết với các trường cao đẳng nghề, đại học 	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo cơ hội nghề nghiệp, cải thiện thu nhập cho người địa phương • Kinh doanh có trách nhiệm, góp phần phát triển kinh tế địa phương • Tạo việc làm cho sinh viên và thu hút các tài năng trẻ • Phát triển hạ tầng khu vực 	<ul style="list-style-type: none"> • Đạt Chứng nhận “Chỉ số tín nhiệm xanh – TOPGreen 2021” • Hỗ trợ 30 sổ tiết kiệm với tổng giá trị 300.000.000đ cho Quỹ Hạt giống Việt • Hỗ trợ chi phí nuôi dưỡng 3 em học sinh đến năm 18 tuổi tại Chương trình “Cặp lá yêu thương” Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam là con em CBNV có hoàn cảnh khó khăn • Tham gia Ban chấp hành liên đoàn Bóng chày và Bóng mềm Việt Nam (VBSF)

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

❖ **Vun đắp nguồn nhân lực**

Máy móc có thể duy trì sự chính xác nhưng con người sẽ mang lại những giá trị cộng sinh cho doanh nghiệp như sự hài lòng của khách hàng, quyền lợi gia tăng cho cổ đông, cải thiện quy trình sản xuất... Chính vì vậy, để doanh nghiệp phát triển bền vững, Nhựa Pha Lê luôn chú trọng gia tăng động lực và phát triển nguồn nhân lực công ty một cách tối đa, bởi chúng tôi hiểu rằng, sự thành công trong kinh doanh của chúng tôi không chỉ là nhờ vào các sản phẩm của công ty, mà còn nhờ vào sự đóng góp của những con người trong công ty – đó là tài sản quan trọng nhất đối với chúng tôi. Yếu tố con người chính là động lực để Nhựa Pha Lê tiếp tục vững bước trên con đường phát triển sau này.

❖ **Tổng quan lực lượng lao động**

Bảng số lượng lao động thống kê theo giới tính/ chức vụ/ trình độ/ độ tuổi năm 2022

STT	TIÊU CHÍ	Số lượng	
		TỔNG	Tỷ lệ %
1	Nhóm tuổi	285	
	<i>Dưới 30 tuổi</i>	<i>81</i>	<i>28%</i>
	<i>Từ 30 - 50 tuổi</i>	<i>198</i>	<i>69%</i>
	<i>Trên 50 tuổi</i>	<i>6</i>	<i>2%</i>
2	Giới tính	285	
	<i>Nam</i>	<i>196</i>	<i>69%</i>
	<i>Nữ</i>	<i>89</i>	<i>31%</i>
3	Cấp bậc	285	
	<i>Quản lý cấp cao</i>	<i>6</i>	<i>2%</i>
	<i>Quản lý cấp trung</i>	<i>33</i>	<i>12%</i>
	<i>Nhân viên khối gián tiếp</i>	<i>90</i>	<i>32%</i>
	<i>Nhân viên trực tiếp sản xuất</i>	<i>156</i>	<i>55%</i>
4	Trình độ học vấn	285	
	<i>Trên Đại Học</i>	<i>4</i>	<i>1%</i>

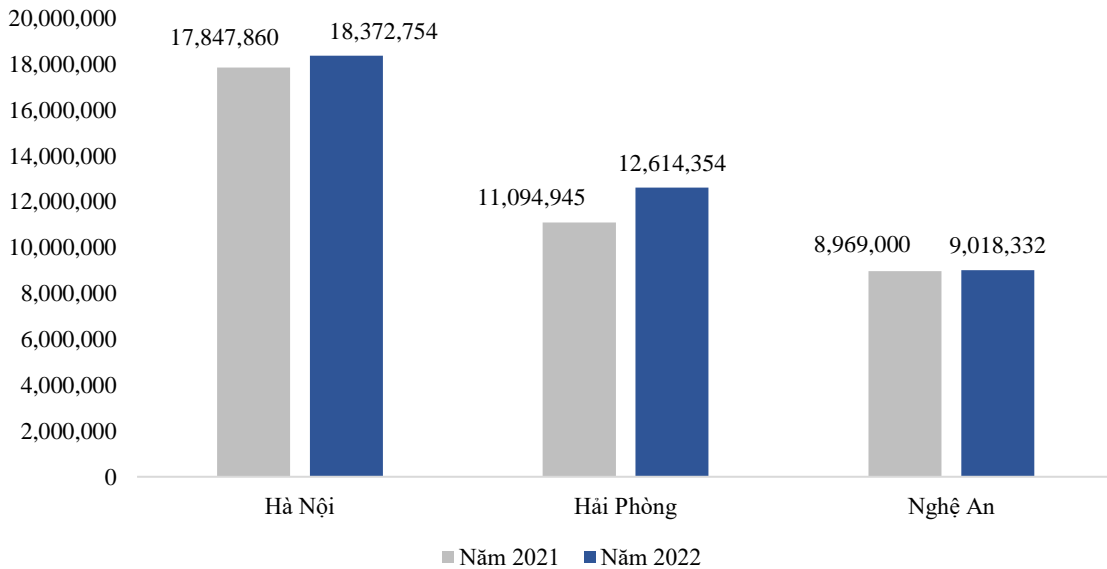
CTCP SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

	<i>Đại Học tại nước ngoài</i>	8	3%
	<i>Đại Học trong nước</i>	110	39%
	<i>Cao đẳng, Trung cấp</i>	57	20%
	<i>Lao động phổ thông</i>	106	37%

❖ Hoạt động công đoàn

- Công đoàn Công ty hiện đang quản lý 285 đoàn viên với 3 công đoàn cơ sở. Hoạt động công đoàn luôn nhận được sự quan tâm từ chính ban lãnh đạo cùng chính quyền địa phương. Ban điều hành công đoàn Công ty đặc biệt chú trọng việc chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần của người lao động.
- Năm 2022 với nhiều khó khăn, thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, từ ảnh hưởng của hậu đại dịch Covid 19 đến lạm phát, suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì việc đánh giá năng lực chuyên môn, năng suất lao động định kỳ cho toàn bộ CBCNV và điều chỉnh nâng lương cho những người đủ điều kiện.

Tiền lương bình quân tháng cho NLĐ



- Các hoạt động văn nghệ, hội thao, thể thao thường niên trong năm được tổ chức theo nguyên tắc đảm bảo phòng chống dịch. Công đoàn đã phối hợp với bộ phận chuyên môn tặng quà vào các dịp Quốc tế lao động, Quốc tế thiếu nhi, Trung thu, Quốc tế phụ nữ 08/03, ngày phụ nữ Việt Nam, tham hỏi khi hiếu, hi ...

▪ An toàn sức khỏe người lao động

Công ty luôn cam kết đảm bảo sức khỏe cho tất cả người lao động. Công ty tổ chức bộ phận y tế để chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

Tăng cường công tác kiểm tra để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, thực phẩm, thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, thực hiện đo đạc đánh giá tác động môi trường định kỳ để có những biện pháp phòng ngừa, cải thiện môi trường làm việc.

Trong năm 2022, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBCNV

▪ Đảm bảo an toàn trong lao động:

Trang bị bảo hộ lao động được cấp phát đầy đủ cho người lao động. Định kỳ tổ chức kiểm tra độ an toàn thiết bị làm việc, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ tại tất cả các đơn vị trong Công ty.

Ban an toàn, vệ sinh lao động thực hiện giám sát thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu..., đồng thời tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động cho công nhân, đặc biệt là các vị trí làm việc quan trọng sử dụng thiết bị áp lực, thiết bị nâng hạ, thiết bị điện

▪ Về việc thực hiện khám chữa bệnh:

Công ty vẫn duy trì chính sách khám bệnh định kỳ cho toàn bộ CBCNV hàng năm.

Cùng với đó, Công ty cũng thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất: bổ sung tiện nghi sinh hoạt khu nội trú, khu bếp ăn đảm bảo an toàn vệ sinh cũng như cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cho cán bộ làm việc, khu vận động nghỉ dưỡng giúp người lao động có cơ hội luyện tập, nâng cao sức khỏe, xả stress; khu y tế với đầy đủ trang thiết bị cần thiết, ứng phó kịp thời với những tình huống bất ngờ.... Chế độ bồi dưỡng ca 3, nước uống giải nhiệt mùa hè đều được Công ty thực hiện tốt.

▪ Chính sách ưu tiên với đội ngũ lao động nữ:

Thực hiện đầy đủ chế độ thai sản, nuôi con nhỏ dưới 1 tuổi; bố trí công việc phù hợp sau khi sinh, tư vấn các vấn đề liên quan đến các bệnh về phụ nữ để phòng chống hiệu quả.

❖ Tuyển dụng

- Nhựa Pha Lê luôn minh bạch và chú trọng công tác tuyển dụng. Công ty đã triển khai những chương trình thực tập tiềm năng thu hút nhiều sinh viên tại các trường đại học để sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế, trau dồi kinh nghiệm và qua đó tuyển dụng

được nhiều ứng viên tài năng.

- Với sứ mệnh tạo ra một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm phục vụ cho sự phát triển và hội nhập của công ty, trong suốt quá trình phát triển, Nhựa Pha Lê đặc biệt quan tâm, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực.
 - + Các đơn vị liên tục tổ chức, tạo điều kiện cho CBCNV theo học các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn như: quản lý doanh nghiệp, quản lý kho, kiến thức kinh doanh, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...
 - + Chủ động tiếp nhận công nghệ sản xuất mới, vận hành các thiết bị sản xuất hiện đại. Năm 2022 đã ghi nhận những quyết tâm, sắp xếp và đánh giá cán bộ, mạnh dạn luân chuyển và bổ nhiệm các cán bộ mới để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty cũng như yêu cầu của từng vị trí công việc.

❖ Văn hóa Công ty

- Văn hóa làm việc với tốc độ cao, hiệu quả và tuân thủ kỷ luật đã thấm nhuần trong mọi hành động của Cán bộ công nhân viên. ***Là tài sản vô hình nhưng quý giá, văn hóa trở thành vũ khí sắc bén***, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa Nhựa Pha Lê phát triển vượt bậc trong các hoạt động kinh doanh.
- ***Sự quyết liệt, nhiệt huyết không chỉ là đặc điểm nổi bật trong công việc mà cũng là nét văn hóa đặc trưng của Nhựa Pha Lê trong các hoạt động văn thể và hoạt động vì cộng đồng.***
- Tại đây, mỗi thành viên đều xác định và coi nơi đây là ngôi nhà thứ 2, nơi mình gắn bó và dành phần lớn thời gian hàng ngày để sống và làm việc. Ở bất cứ vai trò và vị trí nào, chúng tôi luôn tự hào là Người của gia đình Pha Lê
- Công ty luôn hướng tới môi trường làm việc bình đẳng - hòa đồng - thân thiện, luôn cố gắng tạo ra văn hóa của Công ty để xây dựng môi trường làm việc tốt đẹp. Nói cách khác, không ngừng nỗ lực nâng cao tiêu chuẩn làm việc của mỗi nhân viên. Năm 2022 với nhiều khó khăn của tình hình kinh doanh, tuy nhiên Nhựa Pha Lê vẫn cố gắng duy trì các hoạt động truyền thông nội bộ, gắn kết các thành viên, tạo động lực cho sự cố gắng.
- Là một công ty hoạt động chủ yếu về lĩnh vực sản xuất nên Nhựa Pha Lê luôn chú trọng đến việc phát triển công nghệ kỹ thuật và sáng tạo trong công việc. Các chính

sách khuyến khích sáng tạo được duy trì và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cá nhân được thể hiện ý kiến của mình. Ngoài những cuộc thi về những chủ đề liên quan đến sản xuất thì bên cạnh đó công ty cũng tổ chức các cuộc thi về những chủ đề mang tính thực tiễn, mang lại những giá trị hữu ích cho Công ty như phát động Cuộc thi Cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh

❖ Sản phẩm hoàn hảo

Phương châm sản xuất của Nhựa Pha Lê và đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, bảo đảm quyền lợi của khách hàng khi sử dụng sản phẩm của Công ty. Chính vì vậy mà Nhựa Pha Lê luôn đầu tư những dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị hiện đại công nghệ Châu Âu. Hệ thống thiết bị luôn đảm bảo độ chính xác cao, đảm bảo đồng nhất về vật liệu và cho năng suất cao, chất lượng sản phẩm luôn ở mức tốt nhất.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Việc xây dựng và duy trì một hệ thống quản lý chất lượng được Ban lãnh đạo công ty nhiệm vụ chỉ đạo một cách nghiêm ngặt.

✚ Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Mục đích tạo ra những sản phẩm tốt nhất, Nhựa Pha Lê chủ động xây dựng ra khung chuẩn về yêu cầu kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, tiêu chuẩn kiểm tra và biểu mẫu ghi chép kết quả kiểm tra của từng loại sản phẩm của công ty được thực hiện qua các bước kiểm tra của công nhân sản xuất, kiểm tra ca máy sản xuất, kiểm hành chính của nhà máy và cán bộ phòng quản lý chất lượng. Với hệ thống phân cấp phân nhiệm rõ ràng đi kèm những yêu cầu định lượng cụ thể chi tiết, tất cả quá trình sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ để hạn chế tối đa những rủi ro liên quan đến chất lượng sản phẩm.

✚ Cung cấp thông tin về sản phẩm:

Thông tin trên nhãn, bao bì và trên chữ in sản phẩm của Nhựa Pha Lê đảm bảo tuân thủ luật pháp và đầy đủ thông tin cho khách hàng. Các thông tin bao gồm:

- + Thông tin về Công ty (logo, thương hiệu, địa chỉ sản xuất,...)
- + Tên sản phẩm
- + Các thông số kỹ thuật của sản phẩm
- + Công dụng sản phẩm và các khuyến cáo

Những thông tin này không những nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng mà còn để Nhựa Pha Lê kiểm soát chất lượng thông qua truy tìm nguồn gốc sản phẩm khi có khiếu nại khách hàng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(đính kèm)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-54
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-54

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 21 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 20/06/2022
Ông Lê Thạc Tuấn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/06/2022
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/06/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Hải Yến	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/11/2022
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/03/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đinh Đức Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20/06/2022
Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên	
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hải Yến
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Số: 310323.061/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác, Công ty đang ghi nhận khoản công nợ phải thu của cá nhân Nguyễn Thị Phương với số tiền 115 tỷ đồng để thực hiện thỏa thuận hợp tác đầu tư. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá tính phù hợp của số dư phải thu này cũng như những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.783.215.492.407	1.643.140.576.574
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	26.295.985.245	42.206.032.035
111	1. Tiền		25.940.985.245	42.206.032.035
112	2. Các khoản tương đương tiền		355.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	71.223.500.000	171.612.411.969
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	119.659.535.969
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1.093.404.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		71.223.500.000	53.046.280.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.100.577.556.630	839.605.909.442
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	845.075.043.996	764.549.041.528
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	9.089.518.182	28.450.091.572
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	248.912.589.110	48.337.776.082
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.499.594.658)	(1.730.999.740)
140	IV. Hàng tồn kho	10	558.722.529.375	543.813.200.614
141	1. Hàng tồn kho		558.722.529.375	543.813.200.614
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.395.921.157	45.903.022.514
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.051.550.457	4.838.549.915
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		21.714.532.707	41.060.388.259
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	629.837.992	4.084.340
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		937.413.094.710	973.376.556.295
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.413.618.641	2.528.780.532
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	4.413.618.641	2.528.780.532
220	II. Tài sản cố định		704.244.149.611	708.579.111.124
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	367.180.667.207	404.759.666.168
222	- Nguyên giá		525.118.700.613	515.806.332.795
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(157.938.033.406)	(111.046.666.627)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	88.152.307.173	98.625.848.613
225	- Nguyên giá		104.735.414.453	104.735.414.453
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.583.107.280)	(6.109.565.840)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	248.911.175.231	205.193.596.343
228	- Nguyên giá		284.514.584.548	218.152.457.548
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(35.603.409.317)	(12.958.861.205)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	8.552.918.758	124.548.780
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.552.918.758	124.548.780
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	176.895.744.582	209.605.221.126
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		172.595.744.582	89.399.739.733
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	115.520.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.114.518.607)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.300.000.000	5.800.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		43.306.663.119	52.538.894.733
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	35.890.081.154	44.249.773.714
269	2. Lợi thế thương mại	16	7.416.581.965	8.289.121.019
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.720.628.587.117	2.616.517.132.869

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.584.703.297.604	1.862.651.500.818
310	I. Nợ ngắn hạn		1.509.822.828.580	1.723.180.932.288
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	340.275.591.630	387.071.398.554
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	10.752.565.229	15.147.417.175
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	6.872.206.791	4.890.112.839
314	4. Phải trả người lao động		5.895.776.560	5.774.691.095
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	4.969.166.473	22.624.612.996
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	11.669.941.279	55.945.072.570
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	1.122.444.466.431	1.222.794.371.789
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.943.114.188	8.933.255.270
330	II. Nợ dài hạn		74.880.469.024	139.470.568.530
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	74.296.350.858	139.289.699.779
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		584.118.166	180.868.751
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.135.925.289.513	753.865.632.051
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	1.135.925.289.513	753.865.632.051
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		700.000.000.000	400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	400.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(200.000.000)	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.530.000)	(1.530.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		5.885.826.969	5.885.826.969
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		215.215.882.941	149.028.763.983
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		182.018.729.291	34.185.153.487
421b	LNST chưa phân phối năm nay		33.197.153.649	114.843.610.496
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		215.025.109.603	198.952.571.099
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.720.628.587.117	2.616.517.132.869

Nguyễn Tiến Huy
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Phạm Xuân Trí
Kế toán trưởng



Trần Hải Yến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	2.858.148.158.933	2.414.050.223.449
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	656.827.205	1.335.094.415
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.857.491.331.728	2.412.715.129.034
11	4. Giá vốn hàng bán	27	2.462.988.570.250	2.157.705.261.787
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		394.502.761.478	255.009.867.247
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	75.619.758.291	84.723.843.457
22	7. Chi phí tài chính	29	172.363.753.001	87.609.292.217
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		100.180.372.053	78.956.513.306
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(517.562.359)	6.015.780.466
25	9. Chi phí bán hàng	30	190.691.205.749	88.815.457.650
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	68.726.545.626	43.343.029.965
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		37.823.453.035	125.981.711.338
31	12. Thu nhập khác	32	11.253.051.246	908.312.843
32	13. Chi phí khác	33	3.603.113.687	2.487.308.070
40	14. Lợi nhuận khác		7.649.937.559	(1.578.995.227)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.473.390.594	124.402.716.111
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	4.277.171.067	3.247.448.037
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		403.249.415	(1.018.647.346)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>40.792.970.112</u>	<u>122.173.915.420</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		33.197.153.649	114.843.610.496
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		7.595.816.462	7.330.304.924
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	551	2.871



Nguyễn Tiến Huy
 Người lập



Phạm Xuân Trí
 Kế toán trưởng



Trần Hải Yến
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		45.473.390.594	124.402.716.111
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		81.612.301.155	55.848.179.685
03	- Các khoản dự phòng		(1.439.327.689)	(4.171.890.669)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		384.479.030	603.631.953
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(94.769.896.589)	(2.360.684.239)
06	- Chi phí lãi vay		100.180.372.053	78.956.513.306
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		131.441.318.554	253.278.466.147
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(204.726.345.948)	(442.218.795.074)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(14.909.328.761)	(265.951.442.503)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(73.268.394.384)	397.648.525.350
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.279.768.780	(12.086.830.294)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(105.061.792.305)	(76.194.237.931)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.084.281.733)	(3.063.005.971)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.990.141.082)	(2.175.147.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(142.659.660.911)	(270.422.003.745)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.276.395.494)	(361.770.323.435)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.463.055.556	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(105.823.500.000)	(52.446.280.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		89.146.280.000	5.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(177.193.448.653)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		160.806.000.000	66.880.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.206.411.442	1.425.306.621
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(46.671.597.149)	(340.611.296.814)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		315.623.385.336	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.540.918.614.969	2.452.311.084.953
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.647.833.694.291)	(1.825.880.588.430)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(35.284.745.122)	(9.623.112.306)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		173.423.560.892	616.807.384.217

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2022**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(15.907.697.168)	5.774.083.658
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.206.032.035	36.473.597.664
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.349.622)	(41.649.287)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>26.295.985.245</u>	<u>42.206.032.035</u>

Nguyễn Tiến Huy
Người lập

Phạm Xuân Trí
Kế toán trưởng



Trần Hải Yên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê, được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000087 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 10 năm 2014, điều chỉnh lại ngày 12 tháng 12 năm 2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 21 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 700.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 700.000.000.000 đồng; tương đương 70.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 250 người (tại cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 240 người).

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 369 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 290 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình thể thao, vui chơi giải trí, sân tennis, sân golf; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng cơ sở;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các công trình thể thao, vui chơi giải trí, sân tennis, sân golf;
- Xây dựng các công trình công ích. Chi tiết: Thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán ô tô;
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, phụ tùng ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán trang thiết bị, phụ tùng xe máy;
- Và các ngành nghề khác có mã: 1020, 1311, 1312, 1313, 1321, 1322, 2013, 2030, 2220, 2396, 2410, 2420, 2511, 2610, 2630, 2640, 2710, 2750, 2819, 3312, 3314, 3320, 3530, 4312, 4321, 4322, 4632, 4652, 4649, 4669, 6820, 7730, 8299, và các ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê (1)	Tỉnh Đồng Nai	65,19%	65,19%	Sản xuất sản phẩm ván sàn SPC
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm (2)	Tỉnh Quảng Bình	75,00%	75,00%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt

(1) Trong năm, Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê tăng vốn điều lệ từ 190.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND, trong đó Công ty đã góp theo tỷ lệ lợi ích là 107.100.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ sở hữu 51%. Đến ngày 31/12/2022, vốn điều lệ đã thực góp là 312.923.385.336 đồng, theo đó tỷ lệ lợi ích của Công ty tương ứng tỷ lệ 65,19%.

(2) Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm là Công ty con kể từ ngày 01/10/2022 - Chi tiết xem tại Thuyết minh số 3.

- Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An (3)	Tỉnh Quảng Ninh	49,50%	49,50%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

(3) Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An có thực hiện tăng vốn điều lệ từ 66.000.000.000 đồng đến 200.000.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty cũng nhận chuyển nhượng cổ phần từ một số cá nhân theo đó tỷ lệ lợi ích của Công ty thay đổi và đạt tỷ lệ là 49,50%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2022 (là ngày đạt quyền kiểm soát) đến ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 22	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm
- Lợi thế kinh doanh	10	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí san lấp mặt bằng khu mỏ để phục vụ cho hoạt động khai thác và sản xuất kinh doanh chung tại chi nhánh Nghệ An. Công ty đánh giá các chi phí này phục vụ cho hoạt động kinh doanh lâu dài và phân bổ vào chi phí hoạt động trong 10 năm kể từ năm 2020.
- Các chi phí liên quan đến cấp giấy phép và đầu tư khai thác mỏ tại chi nhánh Nghệ An phân bổ theo thời gian khai thác còn lại khu mỏ, thời gian phân bổ trong vòng 19 năm kể từ năm 2018.
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn đầu tư được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 36 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0222100087 ngày 08/10/2014 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh ngày 12/12/2014 của Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Dự án nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án có doanh thu. Đồng thời, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư (năm 2022, Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 6007621343 ngày 11/08/2010 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 21/07/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp" theo quy định hiện hành của pháp luật. Do đó, thuế suất thuế TNDN đối với dự án là 10% trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên dự án có doanh thu; đồng thời Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư (năm 2022 là năm thứ 4 Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Miễn thuế TNDN đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Khai thác và xây dựng hệ thống nhà xưởng chế biến đá ốp lát tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp";
- Thuế suất đối với thu nhập từ Dự án đầu tư "Dự án nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" là 10%, được giảm 50% số thuế phải nộp;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2022, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê đã hoàn tất việc mua thêm 1.925.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm với tổng giá phí đầu tư là 40.000.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 49% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm đã tăng từ 25,64% lên 75%. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<u>Diễn giải</u>	<u>Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm</u>	<u>Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý (a)</u>	<u>Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm</u>
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.551.347	-	6.551.347
Các khoản phải thu	26.756.538.145	-	26.756.538.145
Tài sản ngắn hạn khác	1.521.341.122	-	1.521.341.122
Tài sản cố định	-	66.362.127.000	66.362.127.000
Tài sản dở dang dài hạn	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Cộng tài sản	36.284.430.614	66.362.127.000	102.646.557.614
Nợ phải trả	73.349.560	-	73.349.560
Cộng nợ phải trả	73.349.560	-	73.349.560
Tổng giá trị tài sản thuần	36.211.081.054		102.573.208.054
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			25.643.302.014
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn			76.929.906.040
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			66.300.822.578
<i>Trong đó:</i>			
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư 25,64% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát (ngày 01/10/2022) (b)			26.300.822.578
Giá phí đầu tư thêm 75% vốn chủ sở hữu			40.000.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 32)			(10.629.083.462)
(a) Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý tại ngày Tập đoàn đạt quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm bao gồm:			
- Đánh giá tăng thêm nguyên giá tài sản cố định vô hình là 66.362.127.000 VND, đồng thời tăng khấu hao lũy kế tương ứng 1.659.053.175 VND, tài sản thuần tăng thêm 64.703.073.825 VND.			
(b) Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư 25,64% vốn chủ sở hữu ban đầu tại ngày đạt được quyền kiểm soát với giá phí của khoản đầu tư đó (giá gốc/giá trị tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất (xem chi tiết tại thuyết minh số 28).			

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	24.491.246.624	9.981.601.948
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.449.738.621	16.516.530.087
Tiền đang chuyển	-	15.707.900.000
Các khoản tương đương tiền (*)	355.000.000	-
	26.295.985.245	42.206.032.035

(*) Tại ngày 31/12/2022, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 355.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng với lãi suất 5,8%/năm. Khoản tương đương tiền này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng.
(Xem chi tiết tại thuyết minh số 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	71.223.500.000	-	53.046.280.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	71.223.500.000	-	53.046.280.000	-
Đầu tư dài hạn	4.300.000.000	-	5.800.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.000.000.000	-
- Trái phiếu (2)	4.300.000.000	-	3.800.000.000	-
	75.523.500.000	-	58.846.280.000	-

(1) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, được gửi tại:

Tên ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	31/12/2022
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô	06 tháng	7,8%/năm	550.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	12 tháng	6,2%/năm	1.573.500.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng	12 tháng	5,9%/năm	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Từ 06 tháng đến 12 tháng	5,7%/năm đến 6,2%/năm	5.200.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	12 tháng	4%/năm	2.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	Từ 06 tháng đến 12 tháng	4,7%/năm đến 5,8%/năm	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch	12 tháng	5,0%/năm đến 5,8%/năm	17.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa	12 tháng	4,8%/năm	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long	12 tháng	3,0%/năm	10.000.000.000
			71.223.500.000

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 71.223.500.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Xem chi tiết tại thuyết minh số 22).

(2) Bao gồm: trái phiếu có kỳ hạn 8 năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 2.000.000.000 VND với lãi suất xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 0,9%/năm; trái phiếu có kỳ hạn 7 năm và 8 năm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có giá trị 2.300.000.000 VND với lãi suất xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ từ 1%/năm đến 1,2%/năm.

Tại ngày 31/12/2022, trái phiếu của Công ty có giá trị 4.300.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Xem chi tiết tại thuyết minh số 22).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(1) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 1602/2022/BBH-ĐHĐCĐ ngày 16/02/2022 về việc thay đổi vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An tăng vốn điều lệ từ 66 tỷ VND lên 200 tỷ VND. Theo đó, trong năm Công ty đã góp vốn bằng tiền bổ sung là 33 tỷ VND, tương ứng 3.300.000 cổ phần. Ngày 10/04/2022, Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An từ ông Trần Tiến Đạt với số phần tương ứng số tiền 35 tỷ VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCN/HGPL-PLP ngày 12/01/2021 và từ ông Quách Nhật Sang với số lượng 1.650.000 phần tương ứng tiền 35 tỷ VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCN/HGPL-PLP ngày 12/01/2021.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang sở hữu 9.900.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An và chiếm 49,50% tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích.

Các giao dịch trong yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 41.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022		
	Giá gốc VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
- Công ty Cổ phần xây dựng Hạ Long (2)	-	0,00%	-	115.520.000.000	19,00%
	-	-	-	(1.114.518.607)	
	-	-	-	(1.114.518.607)	

(2) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 9.880.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long cho Công ty Cổ phần Đầu tư PLG Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022/PLP-PLG ngày 01/03/2022. Tổng giá trị giao dịch chuyển nhượng là 164.996.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2022, số còn phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư PLG Việt Nam theo Hợp đồng trên là 37.701.000.000 VND (Chi tiết ở Thuyết minh số 8). Công ty không còn sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu	74.325.439.269	-	65.317.663.845	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global	300.922.775	-	45.687.922.775	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam	2.979.190.287	-	2.797.897.811	-
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội	47.100.195.615	-	85.844.880	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê	561.560.335	-	354.015.200	-
	125.267.308.281	-	114.243.344.511	-
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Thương mại Nhựa Hà Nội	73.342.453.972	-	70.598.928.942	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Vũ Hoàng	107.053.755.800	-	93.867.854.300	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Sông Hồng	140.229.770.270	-	81.193.830.000	-
Apollo Flooring Distributor	98.423.618.959	-	75.351.457.749	-
Singate International Pte., Ltd	8.625.487.715	-	46.872.366.811	-
Phải thu khách hàng khác	292.132.649.000	(1.768.741.421)	282.421.259.216	(1.730.999.740)
	719.807.735.715	(1.768.741.421)	650.305.697.017	(1.730.999.740)
	845.075.043.996	(1.768.741.421)	764.549.041.528	(1.730.999.740)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và cơ khí Đông A	-	-	1.285.813.283	-
- Hangzhou bestway IMP&EXP Co., Ltd	-	-	2.865.722.184	-
- Ningbo Chisage Resource Co. Ltd	405.944.000	-	3.487.219.840	-
- Jaschem International Corp	1.000.855.080	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	7.682.719.102	(730.853.237)	20.811.336.266	-
	9.089.518.182	(730.853.237)	28.450.091.572	-

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.245.340.208	-	463.902.558	-
- Tạm ứng	2.578.782.540	-	123.076.140	-
- Ký cược, ký quỹ	6.093.062.328	-	6.093.062.328	-
- Phải thu Nguyễn Quang Hưng	-	-	33.511.000.000	-
- Phải thu tiền thuế GTGT theo Hợp đồng ủy thác	4.811.556.151	-	6.561.212.935	-
- Lê Hà Giang mượn tiền	-	-	1.450.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An (1)	3.430.000.000	-	-	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư PLG Việt Nam (2)	37.701.000.000	-	-	-
- Phải thu Nguyễn Thị Phương (3)	115.000.000.000	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ Phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê (4)	76.390.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.662.847.883	-	135.522.121	-
	248.912.589.110	-	48.337.776.082	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	4.413.618.641	-	2.528.780.532	-
	4.413.618.641	-	2.528.780.532	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	3.430.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư PLG Việt Nam	37.701.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê	76.390.000.000	-	-	-
	117.521.000.000	-	-	-

(1) Phải thu về cho mượn tiền không lãi suất của Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An theo Hợp đồng mượn tiền ngày 15/04/2022, thời hạn cho mượn tiền là từ ngày 15/04/2022 cho đến khi Công ty thông báo trả lại tiền, mục đích cho mượn là để bổ sung vốn lưu động.

(2) Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long cho Công ty Cổ phần Đầu tư PLG Việt Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022/PLP-PLG ngày 01/03/2022.

(3) Phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/PLP-NTP ngày 01/12/2022 liên quan đến hợp tác đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hoàng Minh và thanh toán các khoản chi phí giao dịch phát sinh với thời hạn hợp tác là 06 tháng liên tiếp kể từ ngày ký Hợp đồng.

(4) Phải thu về cho mượn tiền không lãi suất của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê theo Hợp đồng mượn tiền ngày 30/08/2022, thời hạn cho mượn tiền là từ ngày 30/08/2022 cho đến khi Công ty thông báo trả lại tiền, mục đích cho mượn là để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Và Bao bì Duy Anh	188.760.000	-	188.760.000	-
- Công ty TNHH Thịnh Phát	444.125.900	-	444.125.900	-
- Công ty CP Khoáng sản, Bao bì và Nhựa	454.082.750	-	454.082.750	136.224.825
- Công ty TNHH MTV Đức Linh	-	-	333.624.467	100.087.340
- Công ty TNHH Sản xuất - Xuất khẩu - Thương mại Vạn Trường Sinh	157.010.000	47.103.000	157.010.000	78.505.000
- Pt.Gunawanfajar	374.480.000	151.531.000	434.889.000	217.444.500
- Công ty TNHH Latca - PM	444.325.000	133.297.500	-	-
- Các đối tượng khác	998.413.714	229.671.206	280.636.088	29.866.800
	3.061.197.364	561.602.706	2.293.128.205	562.128.465

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.496.220.785	-	2.372.056.407	-
Nguyên liệu, vật liệu	383.971.789.665	-	354.175.104.068	-
Công cụ, dụng cụ	6.639.292.247	-	4.848.377.255	-
Thành phẩm	153.449.711.972	-	178.709.415.046	-
Hàng hoá	11.165.514.707	-	3.708.247.838	-
	558.722.529.375	-	543.813.200.614	-

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	8.000.000.000	124.548.780
- Chi phí mở đá	8.000.000.000	-
- Thi công hạng mục móng máy	-	124.548.780
Sửa chữa lớn tài sản cố định	552.918.758	-
- Cải tạo máy taical M7	552.918.758	-
	8.552.918.758	124.548.780

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	95.570.134.494	378.874.654.238	40.222.814.798	1.138.729.265	515.806.332.795					
- Mua trong năm	3.013.703.186	3.472.817.421	2.381.326.852	77.170.000	8.945.017.459					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	427.134.353	310.876.140	1.426.680.909	291.235.413	2.455.926.815					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.088.576.456)	-	-	(2.088.576.456)					
Số dư cuối năm	99.010.972.033	380.569.771.343	44.030.822.559	1.507.134.678	525.118.700.613					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	22.505.947.749	77.270.452.113	10.836.777.110	433.489.655	111.046.666.627					
- Khấu hao trong năm	7.199.150.612	35.920.755.039	4.216.104.398	285.662.500	47.621.672.549					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(730.305.770)	-	-	(730.305.770)					
Số dư cuối năm	29.705.098.361	112.460.901.382	15.052.881.508	719.152.155	157.938.033.406					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	73.064.186.745	301.604.202.125	29.386.037.688	705.239.610	404.759.666.168					
Tại ngày cuối năm	69.305.873.672	268.108.869.961	28.977.941.051	787.982.523	367.180.667.207					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 212.056.488.492 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.305.598.857 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Tại 31/12/2022, tài sản cố định thuế tài chính tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê là hệ thống máy móc thiết bị với tổng nguyên giá là 104.735.414.453 VND, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 là 16.583.107.280 VND với giá trị khấu hao trong năm là 10.473.541.440 VND.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Lợi thế kinh doanh	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	15.036.788.688	3.480.000.000	32.500.000	199.603.168.860	218.152.457.548
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	66.362.127.000	66.362.127.000
Số dư cuối năm	15.036.788.688	3.480.000.000	32.500.000	265.965.295.860	284.514.584.548
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.224.191.653	737.358.327	17.152.782	9.980.158.443	12.958.861.205
- Khấu hao trong năm	375.919.716	638.424.999	10.833.336	21.619.370.061	22.644.548.112
Số dư cuối năm	2.600.111.369	1.375.783.326	27.986.118	31.599.528.504	35.603.409.317
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	12.812.597.035	2.742.641.673	15.347.218	189.623.010.417	205.193.596.343
Tại ngày cuối năm	12.436.677.319	2.104.216.674	4.513.882	234.365.767.356	248.911.175.231

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	834.421.210	3.482.738.170
Chi phí bảo hiểm	1.025.212.981	628.712.325
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	469.996.532	219.443.311
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.721.919.733	507.656.109
	4.051.550.457	4.838.549.915
b) Dài hạn		
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn đầu tư ở Hoàng Gia Pha Lê	1.379.924.269	4.653.009.397
- Chi phí liên quan đến cấp giấy phép khai thác mỏ, khoáng sản	3.143.505.630	3.415.565.850
- Chi phí đầu tư khai thác mỏ khoáng sản ở Nghệ An phân bổ	721.244.784	2.469.990.520
- Chi phí thuế GTGT đầu vào không được hoàn phải phân bổ của tài sản cố định trong dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" theo biên bản Thanh tra thuế	864.901.256	1.131.024.740
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.742.017.136	5.073.821.838
- Xây dựng cung cấp, lắp đặt thiết bị Văn phòng Hà Nội	-	162.174.074
- Thi công nội thất văn phòng	-	58.661.663
- Chi phí san lấp mặt bằng (*)	20.364.083.737	23.273.238.565
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	2.166.907.002	2.628.579.040
- Chi phí mở rộng dự án mỏ Đá Lèn	509.166.671	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	998.330.670	1.383.708.027
	35.890.081.154	44.249.773.714

(*) Chi phí san lấp mặt bằng khu mỏ để phục vụ cho hoạt động khai thác và sản xuất kinh doanh chung tại chi nhánh Nghệ An. Công ty đánh giá các chi phí này phục vụ cho hoạt động kinh doanh lâu dài và phân bổ vào chi phí hoạt động trong 10 năm kể từ năm 2020.

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Nguyên giá		
- Số dư đầu năm	8.725.390.546	8.725.390.546
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	8.725.390.546
- Số dư cuối năm	8.725.390.546	8.725.390.546
Số phân bổ lũy kế		
- Số dư đầu năm	436.269.527	-
- Số phân bổ trong năm	872.539.054	436.269.527
- Số dư cuối năm	1.308.808.581	436.269.527
Giá trị còn lại		
- Số dư đầu năm	8.289.121.019	-
- Số dư cuối năm	7.416.581.965	8.289.121.019

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội	8.002.136.673	8.002.136.673	-	-
	<u>8.002.136.673</u>	<u>8.002.136.673</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Bên khác				
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất (Công ty Cổ Phần Nhựa OPEC)	47.496.312.120	47.496.312.120	138.329.020.640	138.329.020.640
Flooring Industries Limited Sarl	20.874.980.330	20.874.980.330	35.595.562.335	35.595.562.335
Prime World International Group Limited	51.580.924.107	51.580.924.107	48.684.277.695	48.684.277.695
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư SV	10.734.852.853	10.734.852.853	-	-
Phải trả các đối tượng khác	201.586.385.547	201.586.385.547	164.462.537.884	164.462.537.884
	<u>332.273.454.957</u>	<u>332.273.454.957</u>	<u>387.071.398.554</u>	<u>387.071.398.554</u>
	<u>340.275.591.630</u>	<u>340.275.591.630</u>	<u>387.071.398.554</u>	<u>387.071.398.554</u>

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bên khác		
Parliament Floors	2.165.951.115	5.676.834.152
T&A Supply Renton Overflow	1.782.885.331	3.815.269.911
Reliance Granite and Marble Corp	42.445.374	2.113.020.000
Arif Woven Bag Industries	167.253.660	169.929.568
Oceanwide International (Sin) Co., Limited	2.876.481.362	-
Đối tượng khác	3.717.548.386	3.372.363.544
	<u>10.752.565.229</u>	<u>15.147.417.175</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LỄ

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		2.736.958.064		2.443.833.534		-		293.124.530	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	2.145.000		-		5.036.779.525		5.662.533.177		627.898.652		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.526.826.973		4.277.171.067		3.084.281.733		-		4.719.716.307	
Thuế Thu nhập cá nhân	258.535		79.962.000		478.391.147		465.975.341		258.535		92.377.806	
Thuế Tài nguyên	-		944.946.222		2.689.992.000		2.674.953.267		-		959.984.955	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	1.680.805		-		174.960.288		174.960.288		1.680.805		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		338.377.644		8.741.167.782		8.272.542.233		-		807.003.193	
	4.084.340		4.890.112.839		24.135.419.873		22.779.079.573		629.837.992		6.872.206.791	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.473.771.521	6.355.191.773
- Trích trước tiền điện	486.742.151	480.310.605
- Trích trước chi phí vận chuyển	1.219.387.010	13.251.480.592
- Chi phí phải trả khác	1.789.265.791	2.537.630.026
	4.969.166.473	22.624.612.996

21 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	25.941.000	-
- Kinh phí công đoàn	1.714.952.511	919.396.551
- Bảo hiểm xã hội	1.186.784.782	1.126.391.574
- Bảo hiểm y tế	119.249.947	126.016.441
- Bảo hiểm thất nghiệp	60.590.243	27.555.371
- Phải trả Chi cục thuế huyện Quỳnh Hợp do chênh lệch đối chiếu khi điều chuyển nhà máy	432.784.383	432.784.383
- Ông Vũ Đức Tiến - Tiền chuyển nhượng cổ phần (1)	1.900.000.000	1.900.000.000
- Ông Cao Văn Thái - Tiền chuyển nhượng cổ phần	-	34.200.000.000
- Bà Trần Hải Yến	-	559.855.312
- Ông Lã Văn Huân	-	13.000.000.000
- Ông Phạm Đông Phong (2)	4.000.000.000	2.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.229.638.413	1.653.072.938
	11.669.941.279	55.945.072.570
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ông Cao Văn Thái	-	34.200.000.000
- Bà Trần Hải Yến	-	559.855.312
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê	25.941.000	-
	25.941.000	34.759.855.312

(1) Phải trả tiền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê của ông Vũ Đức Tiến theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021-HĐCNCP ngày 02/01/2021, thanh lý Hợp đồng ngày 01/07/2021 số tiền là 1.900.000.000 VND.

(2): Các khoản phải trả tiền mượn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.055.722.764.843	1.055.722.764.843	2.524.312.812.573	2.507.508.311.957	1.072.527.265.459	1.072.527.265.459
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ đô (1)	79.738.683.248	79.738.683.248	142.958.528.264	149.395.168.549	73.302.042.963	73.302.042.963
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (2)	413.937.144.869	413.937.144.869	1.007.375.542.638	992.966.516.495	428.346.171.012	428.346.171.012
- Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	24.865.968.132	24.865.968.132	133.728.379.805	122.903.144.388	35.691.203.549	35.691.203.549
- Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hồng Bàng (4)	49.974.627.315	49.974.627.315	115.094.117.125	103.815.309.568	61.253.434.872	61.253.434.872
- Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (5)	11.879.643.572	11.879.643.572	25.180.933.102	25.148.426.674	11.912.150.000	11.912.150.000
- Ngân Hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long (6)	19.988.961.630	19.988.961.630	39.457.978.540	40.138.224.861	19.308.715.309	19.308.715.309
- Vay tài khoản thẻ tín dụng Ngân hàng Shinhan - Chi nhánh Phạm Hùng (7)	11.797.815.120	11.797.815.120	23.955.571.904	23.768.430.564	11.984.956.460	11.984.956.460
- Vay thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính (8)	134.498	134.498	237.662.938	220.183.771	17.613.665	17.613.665
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng (9)	62.396.752.557	62.396.752.557	179.554.686.224	161.560.195.253	80.391.243.528	80.391.243.528
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	105.082.676.480	105.082.676.480	60.798.847.120	165.881.523.600	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch (10)	-	-	66.466.215.286	20.433.298.233	46.032.917.053	46.032.917.053
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (11)	231.103.318.814	231.103.318.814	495.998.764.906	523.207.543.694	203.894.540.025	203.894.540.025

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (Tiếp theo)						
- Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh TP Hà Nội (12)	44.957.038.608	44.957.038.608	163.004.045.063	145.587.120.908	62.373.962.763	62.373.962.763
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (13)	-	-	70.501.539.659	32.483.225.399	38.018.314.260	38.018.314.260
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (14)	167.071.606.946	167.071.606.946	49.917.200.972	167.071.606.946	49.917.200.972	49.917.200.972
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đa (15)	14.400.000.000	14.400.000.000	5.482.532.513	14.400.000.000	5.482.532.513	5.482.532.513
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đa (15)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	3.425.382.334	3.425.382.334	-	3.425.382.334	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (16)	19.246.224.612	19.246.224.612	14.434.668.459	19.246.224.612	14.434.668.459	14.434.668.459
- Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-
	1.222.794.371.789	1.222.794.371.789	2.574.230.013.545	2.674.579.918.903	1.122.444.466.431	1.122.444.466.431

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (14)	19.882.532.513	19.882.532.513	-	14.400.000.000	5.482.532.513	5.482.532.513
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	24.180.000.000	24.180.000.000	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đa (15)	86.700.049.582	86.700.049.582	-	22.500.000.000	64.200.049.582	64.200.049.582
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Dầu tư Hoàng Gia	3.425.382.334	3.425.382.334	-	3.425.382.334	-	-
- Công ty CTTC TNHH MTV ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (16)	72.173.342.296	72.173.342.296	17.642.372.561	35.284.745.122	54.530.969.735	54.530.969.735
- Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-
	306.361.306.725	306.361.306.725	17.642.372.561	175.610.127.456	124.213.551.830	124.213.551.830
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(167.071.606.946)	(167.071.606.946)	(49.917.200.972)	(167.071.606.946)	(49.917.200.972)	(49.917.200.972)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	139.289.699.779	139.289.699.779			74.296.350.858	74.296.350.858

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022		Mục đích vay
				USD	VND	
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê vay:</i>						
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thủ đô Hợp đồng tín dụng số 1483-LAV-202200488 ngày 19/06/2022.	80.000.000.000 VND	Đến hết ngày 29/06/2023	359.689,29	64.773.809.897	Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2022-2023
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/2878672/HETD ngày 27/10/2022	430.000.000.000 VND	Đến hết ngày 30/09/2023	2.629.371,70	366.069.502.296	Cho vay vốn lưu động (bao gồm cả cho vay dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng doanh nghiệp), phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
3	Ngân hàng TNHH MTV HongLeong Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội Hợp đồng tín dụng thương mại số HN/2019/01/BCB/HDTD ngày 10/01/2019 và các Hợp đồng bổ sung hợp đồng tín dụng lần thứ hai ngày 28/04/2021, lần thứ ba ngày 01/12/2021 và lần thứ tư ngày 19/05/2022	3.000.000 USD	Đến ngày 19/05/2025	658.117,76	20.087.231.460	Tài trợ mua trong nước/nhập khẩu nguyên vật liệu/hàng hóa và các nhu cầu vốn lưu động khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh; tài trợ nhập khẩu thanh toán trước khi giao hàng cho các nhà cung cấp được Ngân hàng chấp thuận để mua nguyên vật liệu/hàng hóa
				658.117,76	35.691.203.549	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHẠ LỄ
 Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022		Mục đích vay
				USD	VND	
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	70.000.000.000 VND	Kể từ ngày 19/04/2022 đến hết ngày 19/04/2023	691.438,81	44.824.848.746	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu BCT, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty
5	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng				11.912.150.000	
	Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HEDCVHM/NHCT166-PHALE ngày 19/04/2022	50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng		11.912.150.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
6	Ngân Hàng TMCP Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long	20.000.000.000 VND	Đến hết ngày 07/12/2022	557.553,99	6.077.959.126	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 72/21/CTD/NHUAPHALE ngày 08/12/2021			557.553,99	6.077.959.126	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
7	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	12.000.000.000 VND	Đến hết ngày 21/04/2023	-	11.984.956.460	
	Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HETD/790500000685 ngày 22/04/2020 và phụ lục sửa đổi, bổ sung số SHBHNC/HETD/790500000685/02 ngày			-	11.984.956.460	Bổ sung vốn vay lưu động, vay tài trợ thương mại - nhập khẩu
8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	3.000.000.000 VND			17.613.665	
	Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 23/03/2020				17.613.665	
9	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng			57.692,25	79.021.341.052	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 81968.22.065.2826044.TD ngày 24/08/2022	100.000.000.000 VND	Đến ngày 12/08/2023	57.692,25	79.021.341.052	Phục vụ hoạt động khai thác sản xuất kinh doanh bột đá, sản xuất chất độn hạt nhựa và thương mại hạt nhựa nguyên sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
 Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
 quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022		Mục đích vay
				USD	VND	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê vay (tiếp theo):						
10	Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Sở Giao dịch			465.022,39	34.942.133.051	46.032.917.053
	Hợp đồng tín dụng số 4844417.22 ngày 27/05/2022	50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	465.022,39	34.942.133.051	46.032.917.053
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê vay:						
11	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa			-	203.894.540.025	203.894.540.025
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12822834/HBTD ngày 31/08/2021	300.000.000.000 VND	đến hết ngày 31/08/2023		203.894.540.025	203.894.540.025
12	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh thành phố Hà Nội			-	62.373.962.763	62.373.962.763
	Hợp đồng cho vay định mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT106-HGPL ngày 24/10/2022	100.000.000.000 VND	đến hết tháng 10 năm 2023		62.373.962.763	62.373.962.763
13	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội			-	38.018.314.260	38.018.314.260
	Hợp đồng cấp tín dụng số 01/CTD/V/CBHN-HGPL ngày 20/04/2022	55.000.000.000 VND	đến hết ngày 06/05/2023		38.018.314.260	38.018.314.260

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
 Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,
 phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022		Số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới		Mục đích vay
			VND	USD	VND	USD	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê vay:							
14	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đa	60 tháng	5.482.532.513	-	5.482.532.513	-	5.482.532.513
	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/2878672/HĐTD ngày 26/04/2018		5.482.532.513	-	5.482.532.513	-	5.482.532.513
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê vay:							
15	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đa	60 tháng	64.200.049.582	-	64.200.049.582	-	30.000.000.000
	Hợp đồng tín dụng số 01/2020/12822834/HĐTD ngày 20/02/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung lập ngày 25/11/2020		64.200.049.582	-	64.200.049.582	-	30.000.000.000
	Tổng cộng				69.682.582.095		35.482.532.513

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(16) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 111.20.08/CTTC của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 07/09/2020 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Loại tài sản: SPC Production Equipments;
- + Số tiền cho thuê: 87.948.000.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: 8,6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 54.530.969.735 VND, trong đó số phải trả trong năm tới là 14.434.668.459 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	-	(1.530.000)	3.895.936.945	39.799.330.470	-	443.693.737.415
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	114.843.610.496	7.330.304.924	122.173.915.420
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.989.890.024	(4.439.780.048)	-	(2.449.890.024)
Tăng/giảm khác do hợp nhất năm đầu tiên	-	-	-	-	(1.174.396.935)	191.622.266.175	190.447.869.240
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	-	(1.530.000)	5.885.826.969	149.028.763.983	198.952.571.099	753.865.632.051
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	-	(1.530.000)	5.885.826.969	149.028.763.983	198.952.571.099	753.865.632.051
Tăng vốn trong năm nay (1)	300.000.000.000	(200.000.000)	-	-	-	-	299.800.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	33.197.153.649	7.595.816.462	40.792.970.112
Tăng vốn điều lệ tại Công ty con (2)	-	-	-	-	-	15.823.385.336	15.823.385.336
Thay đổi lợi ích của cổ đông không kiểm soát (3)	-	-	-	-	32.989.965.308	(32.989.965.308)	-
Hợp nhất kinh doanh theo giá trị hợp lý (4)	-	-	-	-	-	25.643.302.014	25.643.302.014
Số dư cuối năm nay	700.000.000.000	(200.000.000)	(1.530.000)	5.885.826.969	215.215.882.941	215.025.109.603	1.135.925.289.513

(1.1) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 2404/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021, Tờ trình số 10/2021/TT-HĐQT ngày 02/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty và việc tiếp tục triển khai Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/10/2021/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 đã thông qua Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Số lượng cổ phiếu chào bán là 20.000.000 cổ phiếu, tương ứng với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND;

- Phương thức phân phối: thực hiện quyền tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu được mua 01 cổ phiếu);

- Đối tượng được phân phối: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Trung tâm lưu ký lập.

Ngày 02/03/2022, Công ty đã kết thúc chào bán và thu được 200.000.000.000 VND. Đến ngày 03/03/2022, Công ty nhận được Văn bản số 1050/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(1.2) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 183/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/11/2021, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 29/03/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2022/NQ-HĐQT ngày 13/05/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 22/08/2022, Công ty đã thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 VND/ cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 10.000.000 cổ phiếu;
- Giá chào bán 10.000 VND/ cổ phiếu;
- Đối tượng chào bán: nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo danh sách được phê duyệt;
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán: 100.000.000.000 VND;

Ngày 25/08/2022, Công ty đã kết thúc đợt chào bán và thu được 100.000.000.000 VND. Đến ngày 29/08/2022, Công ty nhận được Văn bản số 5815/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

(2) Trong năm, Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê tăng vốn điều lệ từ 190.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND và Công ty đã góp đủ vốn trong ứng với tỷ lệ lợi ích 51% là 107.100.000.000 VND. Đến ngày 31/12/2022, vốn điều lệ thực góp là 312.923.385.336 VND, theo đó tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ thay đổi tương ứng là 65,19%.

(3) Trong năm, Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm. Đây là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần đánh giá theo giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ thuộc sở hữu của cổ đông không kiểm soát.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Mai Thanh Phương	21,09%	147.600.000.000	24,60%	98.400.000.000
Ông Huỳnh Cảnh Phúc	0,00%	-	3,32%	13.280.090.000
Các cổ đông khác	78,91%	552.400.000.000	72,08%	288.319.910.000
	100%	700.000.000.000	100%	400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	700.000.000.000	400.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	300.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	700.000.000.000	400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	70.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	153	153
- Cổ phiếu phổ thông	153	153
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.999.847	39.999.847
- Cổ phiếu phổ thông	69.999.847	39.999.847
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.885.826.969	5.885.826.969
	5.885.826.969	5.885.826.969

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất gồm hợp đồng thuê đất tại lô đất KB1.9 - Khu công nghiệp MP Minh Vũ - khu Kinh tế Hải Phòng để sử dụng với mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2057, diện tích khu đất thuê là 20.000 m² và hợp đồng thuê đất tại xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2060, diện tích khu đất thuê là 29.881 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty thuê 16.200 m² khuôn viên mặt bằng và nhà xưởng tại địa chỉ: Đường số 8; KCN Nhơn Trạch II- Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Thời gian thuê nhà xưởng là 40 năm được tính từ ngày 01/11/2019 đến ngày 31/10/2059.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	14.743,83	316.826,45

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.885.692.795.229	1.402.097.810.815
Doanh thu bán hàng hóa	908.994.935.929	1.011.952.412.634
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.460.427.775	-
	2.858.148.158.933	2.414.050.223.449
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	238.166.070.698	203.303.782.645

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	582.243.600	26.780.985
Hàng bán bị trả lại	-	942.375.583
Giảm giá hàng bán	74.583.605	365.937.847
	656.827.205	1.335.094.415

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.497.508.958.005	1.157.460.499.286
Giá vốn của hàng hóa đã bán	903.189.412.133	1.000.244.762.501
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.290.200.112	-
	<u>2.462.988.570.250</u>	<u>2.157.705.261.787</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	<u>23.686.526</u>	<u>-</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)</i>		

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.987.849.092	876.423.972
Lãi bán các khoản đầu tư (*)	53.297.950.000	1.772.069.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	840.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.319.555.225	4.609.945.229
Lãi do hợp nhất kinh doanh	7.014.389.786	76.625.394.298
Doanh thu hoạt động tài chính khác	14.188	10.358
	<u>75.619.758.291</u>	<u>84.723.843.457</u>

(*) Bao gồm lãi từ bán chứng khoán kinh doanh và khoản tiền lãi từ việc chuyển nhượng 9.880.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022/PLP-PLG ngày 01/03/2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư PLG Việt Nam.

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	100.180.372.053	78.956.513.306
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	64.075.600.809	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.743.372.575	5.695.466.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	384.479.030	603.631.953
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.207.922.607)	1.326.517.017
Chi phí tài chính khác	1.187.851.141	1.027.163.850
	<u>172.363.753.001</u>	<u>87.609.292.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	337.526.766	74.493.233
Chi phí nhân công	3.696.097.608	3.052.458.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.855.213	12.250.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.295.113.162	82.816.368.976
Chi phí khác bằng tiền	6.289.613.000	2.859.887.163
	190.691.205.749	88.815.457.650

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.404.749.176	3.719.164.291
Chi phí nhân công	25.625.016.824	17.549.667.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định (*)	23.058.734.823	10.888.302.588
Thuế, phí, lệ phí	388.085.480	447.731.758
Chi phí dự phòng	768.594.918	941.068.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.905.483.748	7.477.143.223
Chi phí khác bằng tiền	5.703.341.603	1.883.683.021
Phân bổ lợi thế thương mại	872.539.054	436.269.527
	68.726.545.626	43.343.029.965

(*) Trong đó, chi phí khấu hao phân bổ đối với Lợi thế kinh doanh tăng thêm khi xác định giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê tại thời điểm trở thành công ty con của Công ty là 19.960.316.886 VND.

(*) Trong đó, chi phí khấu hao phân bổ đối với Lợi thế kinh doanh tăng thêm khi xác định giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm tại thời điểm trở thành công ty con của Công ty là 1.659.053.170 VND.

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	104.784.870	-
Bất lợi thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	10.629.083.462	-
Thu từ Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp - Bộ Công Thương	450.000.000	-
Thu tiền phí bảo hiểm trách nhiệm	63.877.440	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	45.360.000
Thu nhập từ giảm giá hàng lỗi	-	388.672.112
Thu nhập khác	5.305.474	474.280.731
	11.253.051.246	908.312.843

Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
 khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
 quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt, chậm nộp	1.090.999.402	1.579.333.053
Thuế VAT không được khấu trừ	1.707.911.353	743.558.654
Chi phí bảo hiểm	151.000.000	-
Chi phí khác	653.202.932	164.416.363
	3.603.113.687	2.487.308.070

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	2.318.247.018	3.084.281.728
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1.958.924.049	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.277.171.067	3.084.281.728
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	163.166.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.526.826.973	2.182.456.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng do Hợp nhất	-	1.159.928.513
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.084.281.733)	(3.063.005.971)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.719.716.307	3.526.826.973

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	33.197.153.649	114.843.610.496
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33.197.153.649	114.843.610.496
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.274.722	39.999.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	551	2.871

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.341.885.528.476	2.277.466.293.663
Chi phí nhân công	89.197.517.201	57.598.229.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.739.762.101	48.484.455.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.958.994.520	92.114.036.232
Chi phí khác bằng tiền	12.406.809.201	9.065.877.207
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	768.594.918	941.068.210
	<u>1.793.957.206.418</u>	<u>2.485.669.960.769</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư ngắn hạn	118.566.131.969	-	-	118.566.131.969
	<u>118.566.131.969</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>118.566.131.969</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.295.985.245	-	-	26.295.985.245
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.095.901.657.089	4.413.618.641	-	1.100.315.275.730
Các khoản cho vay	71.223.500.000	4.300.000.000	-	75.523.500.000
	<u>1.193.421.142.334</u>	<u>8.713.618.641</u>	<u>-</u>	<u>1.202.134.760.975</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.206.032.035	-	-	42.206.032.035
Phải thu khách hàng, phải thu khác	811.155.817.870	2.528.780.532	-	813.684.598.402
Các khoản cho vay	53.046.280.000	3.800.000.000	2.000.000.000	58.846.280.000
	<u>906.408.129.905</u>	<u>6.328.780.532</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>914.736.910.437</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	1.122.444.466.431	74.296.350.858	-	1.196.740.817.289
Phải trả người bán, phải trả khác	351.945.532.909	-	-	351.945.532.909
Chi phí phải trả	39.941.631.611	-	-	39.941.631.611
	1.514.331.630.950	74.296.350.858	-	1.588.627.981.808
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	625.601.758.044	119.882.532.513	-	745.484.290.557
Phải trả người bán, phải trả khác	72.200.918.706	-	-	72.200.918.706
Chi phí phải trả	5.910.335.492	-	-	5.910.335.492
	703.713.012.242	119.882.532.513	-	823.595.544.755

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

1. Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2022, Công ty đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty như sau:

1.1. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: tối đa 3.000.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: tối đa 30.000.000.000 đồng;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu tại thời điểm chốt danh sách thực hiện phương án phát hành;
- Tỷ lệ phát hành: 5% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành;
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2022, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Nguồn vốn sử dụng: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.2. Phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: tối đa 1.800.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: tối đa 18.000.000.000 đồng;
- Đối tượng phát hành: Người lao động của Công ty;
- Hạn chế chuyển nhượng: tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2022, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Nguồn vốn sử dụng: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty.

2. Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2022, Công ty đã thông qua Phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu;
- Giá chào bán 10.000 đồng/ cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 20.000.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán: 200.000.000.000 đồng;
- Mục đích chào bán: nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động;
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước;
- Số lượng nhà đầu tư chào bán: Dưới 20 nhà đầu tư;
- Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2022 - 2023, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.885.035.968.024	972.455.363.704	2.857.491.331.728
Chi phí trực tiếp	1.497.508.958.005	965.479.612.245	2.462.988.570.250
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	387.527.010.019	6.975.751.459	394.502.761.478
Tổng chi phí mua TSCĐ			19.829.314.252
Tài sản bộ phận trực tiếp	2.675.619.315.923	14.661.735.492	2.690.281.051.415
Tài sản không phân bổ			30.347.535.702
Tổng tài sản	2.675.619.315.923	14.661.735.492	2.720.628.587.117
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	381.019.366.128	-	381.019.366.128
Nợ phải trả không phân bổ			1.203.683.931.477
Tổng nợ phải trả	381.019.366.128	-	1.584.703.297.604

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Theo khu vực địa lý	Bán hàng trong nước		Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Xuất khẩu		
	VND	VND	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.629.015.690.893	1.228.475.640.835	2.857.491.331.728
Tài sản bộ phận	2.505.490.266.684	215.138.320.433	2.720.628.587.117
Tổng chi phí mua TSCĐ			19.829.314.252

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê (tên cũ: Công ty Cổ phần Neo Floor)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư PLG Việt Nam	(*)
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội (tên cũ: Công ty Cổ phần RCG)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam	(**)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global	(**)
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT - Cổ đông lớn
Bà Trần Hải Yến	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Cao Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Trí	Kế toán trưởng
Ông Trần Hoài Phong	Em trai của Tổng Giám đốc Công ty - Bà Trần Hải Yến

(*) Công ty do Ông Cao Văn Thái - Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

(**) Công ty do Ông Lê Thạc Tuấn - Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê là Giám đốc.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	238.166.070.698	203.303.782.645
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Vật liệu Hoàng Gia Pha Lê	200.395.811.353	159.482.912.586
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội	37.410.894.743	32.680.799
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SPC Việt Nam	359.364.602	2.253.714.010
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Neo Global	-	41.534.475.250

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Mua hàng	23.686.526	-
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội	23.686.526	
Thu nhập khác	-	45.360.000
Công ty Cổ phần SPC Hà Nội	-	45.360.000
Cho mượn tiền	3.430.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	3.430.000.000	-
Vay	-	32.100.000.000
Phạm Xuân Trí	-	5.100.000.000
Mai Thanh Phương	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	-	25.000.000.000
Trả nợ gốc vay	-	7.920.000.000
Phạm Xuân Trí	-	5.100.000.000
Mai Thanh Phương	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Cẩm	-	820.000.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần	40.000.000.000	104.200.000.000
Ông Mai Thanh Phương	-	35.000.000.000
Bà Trần Hải Yến	-	21.000.000.000
Ông Phạm Xuân Trí	-	14.000.000.000
Ông Cao Văn Thái	-	34.200.000.000
Ông Trần Hoài Phong	40.000.000.000	-
Chuyển nhượng cổ phần	164.996.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư PLG Việt Nam	164.996.000.000	-
Góp vốn đầu tư	103.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Tân Việt An	103.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Mai Thanh Phương	609.090.000	621.000.000
Ông Lê Thạc Tuấn	-	-
Bà Trần Hải Yến	551.420.000	538.800.000
Ông Cao Văn Thái	-	120.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát		
Ông Đinh Đức Tuấn	-	-
Ông Vũ Ngọc Thúy	-	-
Bà Mai Thị Thanh Hoa	-	-

(*) Thu nhập của ông Lê Thạc Tuấn và ông Cao Văn Thái không phát sinh là do đã nhận tại các Công ty có liên quan được trình bày nêu trên.

(**) Thu nhập của ông Nguyễn Thanh Bình không phát sinh là do không tham gia trực tiếp điều hành Công ty.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ

Lô đất CN4.3 khu công nghiệp MP Đình Vũ,
khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

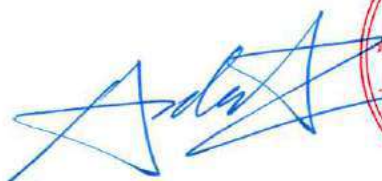
42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

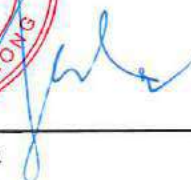


Nguyễn Tiến Huy
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Phạm Xuân Trí
Kế toán trưởng



Trần Hải Yến
Tổng Giám đốc

